



SÁCH MỚI.NET - EBOOK

Annie Ernaux, sinh năm 1940 tại Lillebone, lớn lên tại Yvetot, đầu thuộc tỉnh Seine-Maritime, vùng Normandie, tây bắc nước Pháp. Bà học ngành Văn học hiện đại ở Đại học Rouen, sau đó làm giáo viên ở Annecy, Pontoise rồi Trung tâm giáo dục từ xa quốc gia. Bà là tiến sĩ danh dự của Đại học Cergy-Pontoise.

Năm 1974, bà xuất bản tác phẩm đầu tay *Les armoires vides* (Những ngăn kéo rỗng) kể về lần phá thai chui của bản thân vào năm 1964. Năm 1983, bà xuất bản *Một chỗ trong đời*, kể về cuộc đời của cha mình, và cuốn sách đã đoạt giải Renaudot. Năm 2008, bà xuất bản *Les années* (Những năm tháng), tác phẩm được coi là sự hoàn chỉnh về nội dung lẫn hình thức của thể loại hồi ức tập thể.

Trong suốt cuộc đời, Annie Ernaux đã được trao rất nhiều giải thưởng: giải Renaudot (1984), giải thưởng về ngôn ngữ Pháp, giải François Mauriac (2008), giải Marguerite Yourcenar (2017)... và đặc biệt với giải Nobel Văn chương (2022) vì "với lòng can đảm cùng sự nhạy bén bên trong, bà đã khám phá ra những cội rễ, những cách biệt và những câu thúc tập thể của hồi ức cá nhân".

Bà hiện sống ở Cergy, vùng Île-de-France.

Các tác phẩm của Annie Ernaux xuất bản

tại Nhã Nam:

- *Một chỗ trong đời*

- *Hồi ức thiếu nữ*

- *Nỗi nhục*

- *Cơn cuồng si*

- *Một người phụ nữ*

- *Những năm tháng* (sắp xuất bản)

Giữa những năm chín mươi, Annie Ernaux đưa độc giả trở lại mùa hè năm 1952, cái mùa hè xảy ra một sự kiện khiến cô thiếu nữ khi ấy bắt đầu cảm thấy một nỗi nhục, về cha mẹ mình, về nghề nghiệp và môi trường sống của họ.

"Bố tôi đã định giết mẹ tôi vào đầu buổi chiều một Chủ nhật tháng Sáu."

Đan xen giữa hồi ức và những suy tư về chuyện viết lách, Annie Ernaux đưa tới độc giả một lời chứng thật đẹp về mùa hè đã thay đổi cuộc đời mình, khi cô thiếu nữ bắt đầu ý thức được ánh mắt người khác đối với xuất thân của mình và khi cái nhìn của chính cô về cha mẹ mình cũng thay đổi.

Như mọi cuốn sách của Annie Ernaux, *Nỗi nhục*, xuất bản tại Pháp năm 1997, được viết nên bằng rất nhiều nỗi ngượng ngùng, nhưng cũng rất nhiều sự thật.

"Suốt 50 năm qua, Annie Ernaux viết cuốn tiểu thuyết về ký ức tập thể và riêng tư của đất nước chúng ta. Tiếng nói của bà là tiếng nói tự do của người phụ nữ và của những điều đã bị lãng quên trong thế kỷ qua".

- Tổng thống Pháp, **Emmanuel Macron**

Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp: **LA HONTE**
của **Annie Ernaux**

© **Édition Gallimard, Paris, 1997**

Annie Ernaux

Nỗi Nhục

Dịch giả: THU PHƯƠNG

Phát hành: CTY VH VÀ TT NHÃ NAM

Xuất bản: NXB PHỤ NỮ VIỆT NAM, 05/2023



@huyetleid0907, 12/2023



THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỎI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN
WWW.SACHMOI.NET

Tặng Philippe V.

Ngôn ngữ không phải là sự thật.

Nó là cách thức tồn tại của chúng ta trong vũ trụ.

Paul Auster,

Khởi sinh của cô độc

Ổ tôi đã định giết mẹ tôi vào đầu buổi chiều một Chủ nhật tháng Sáu. Như thường lệ, tôi đi nghe lễ mi xa lúc mười hai giờ kém mười lăm phút. Chắc tôi đã mang bánh ngọt về từ hiệu bánh nằm ở khu thương mại, một khối nhiều tòa nhà tạm xây sau chiến tranh, trong lúc đợi việc tái thiết xong xuôi. Về đến nhà, tôi cởi quần áo diện Chủ nhật mà mặc một cái váy dễ giặt. Khi khách hàng đã đi khỏi, các cửa trập đã hạ xuống trước quầy thực phẩm khô, chúng tôi ăn trưa, hẳn đã bật radio, vì vào giờ ấy có chương trình chọc cười, *Tòa án*, với Yves deniaud trong vai một nhân viên quen liên tục bị cáo buộc những tội lặt vặt và bị một ông thẩm phán giọng run run kết những cái án lố bịch. Mẹ cứ gắt gỏng. Ngồi xuống bàn là mẹ cãi cọ ngay với bố, cứ thế không ngừng suốt bữa. bát đĩa dọn đi rồi, khăn trải bàn bằng vải dầu đã lau, mẹ vẫn tiếp tục trách trách móc móc bố trong lúc xoay trở trong căn bếp nhỏ tin hin - kẹt giữa quán cà phê, quầy thực phẩm khô và cầu thang dẫn lên tầng - như mọi lần bị trái ý. Bố vẫn ngồi bên bàn, chẳng nói chẳng rằng, ngoái đầu nhìn ra cửa sổ. Đột nhiên, ông run lên bần bật và thở hổn hển. Ông nhòem dậy và tôi trông thấy ông tóm lấy tay mẹ, vừa kéo bà vào quán cà phê vừa hét, giọng khàn đặc chưa từng thấy. Tôi trốn lên tầng, gieo mình xuống giường, úp mặt vào gối. Rồi tôi nghe thấy tiếng mẹ thất thanh: "Con ơi!" Giọng bà vang lên từ dưới hầm, bên cạnh quán cà phê. Tôi lao xuống chân cầu thang, dồn hết sức mà hét: "Cứu với!" Trong căn hầm tối tăm, bố túm vai mẹ, hoặc cũng có thể là cô. Tay còn lại ông cầm con dao quắm bố củi giật ra từ cái thớt, thường thì nó được cắm trên đấy. Ở đây tôi chỉ còn nhớ được những tiếng nức nở cùng tiếng hét. sau đó, cả ba chúng tôi lại ở trong bếp. Bố ngồi gần cửa sổ, mẹ thì đứng gần bếp lò còn tôi ngồi bệt

dưới chân cầu thang. Tôi khóc không sao ngừng nổi. Bố chưa bình thường trở lại, hai tay ông run run và giọng vẫn rất lạ. Ông nhắc đi nhắc lại "sao con lại khóc, bố có làm gì con đâu". Tôi vẫn nhớ một câu mình đã nói: "Bố sắp khiến con phát điên rồi"⁽¹⁾. Mẹ bảo, "thôi nào, xong rồi". Sau đó, cả ba người chúng tôi lấy xe đạp đi dạo quanh vùng quê gần nhà. Quay về bố mẹ tôi mở lại quán cà phê như mọi buổi tối Chủ nhật. Chuyện không bao giờ nhắc lại nữa.

Đó là ngày 15 tháng Sáu năm 1952. Mốc ngày tháng cụ thể và chắc chắn đầu tiên của tuổi thơ tôi. Trước đó chỉ có đọc các thứ trong tuần cùng ngày tháng viết trên bảng và mấy quyển vở cứ thế lướt qua.

Sau này, với vài người đàn ông, tôi kể: "Bố em từng định giết mẹ em hồi em sắp tròn mười hai tuổi." Cảm thấy muốn nói câu ấy tức là tôi đã đổ cho họ rồi. Tất cả đều im lặng khi nghe xong. Tôi thấy mình đã phạm sai lầm bởi họ không thể đón nhận điều đó.

Tôi đang viết cảnh ấy lần đầu tiên. Cho đến tận hôm nay, tôi vẫn thấy không thể nào làm chuyện đó, ngay cả trong nhật ký. Giống một hành động bị cấm kiêu gì cũng kéo theo một hình phạt. Có lẽ là đòn trừng phạt sau đó sẽ không thể viết được gì nữa. (Ban này, tôi cảm thấy như thể nhẹ nhõm khi nhận ra mình vẫn tiếp tục viết như trước, rằng đã chẳng hề xảy ra điều gì khủng khiếp.) Thậm chí, kể từ khi viết được câu chuyện này ra, tôi lại có cảm giác đó là một chuyện vặt vãnh, thường thấy tại các gia đình hơn so với tôi tưởng tượng. Có lẽ câu chuyện, toàn bộ câu chuyện, làm cho bất kỳ hành động nào đều trở thành bình thường, kể cả hành động kịch tích nhất. Nhưng vì cảnh ấy lúc nào cũng ở trong lòng tôi như một hình ảnh không kèm cả từ lẫn ngữ, ngoài cái câu tôi đã nói với các người tình,

những từ mà tôi dùng để miêu tả nó, tôi thấy chúng thật xa lạ, gần như kỳ khôi. Chúng đã trở thành một cảnh cho những người khác.

Trước khi bắt đầu, tôi đã tưởng mình có khả năng nhớ được từng chi tiết. Nhưng hóa ra tôi chỉ còn giữ được bầu không khí, vị trí của mỗi người trong bếp, vài lời. Tôi không còn biết đâu là nguyên do ban đầu của vụ cãi vã, không còn biết mẹ tôi vẫn mặc cái áo bờ lu trắng của người bán hàng hay bà đã thay nó để chuẩn bị cho chuyến dạo chơi, rồi thì những gì chúng tôi đã ăn. Tôi không có ký ức cụ thể nào về buổi sáng Chủ nhật đó, ngoài khuôn khổ những thói quen, lễ mi xa, hiệu bánh ngọt, v.v. - dấu hằn tôi đã, như sau này tôi sẽ làm với các sự kiện khác, thường quay ngược trở về sau, cái lúc cảnh đó còn chưa diễn ra. Tuy nhiên, tôi chắc chắn mình đã mặc cái váy màu xanh lam chấm bi trắng, vì trong hai mùa hè tiếp tục mặc nó, tôi hay nghĩ vào thời điểm vận nó lên người "đây là cái váy của ngày hôm đó". Cũng chắc chắn về thời tiết, sự kết hợp của nắng, mây và gió.

Sau đó, Chủ nhật ấy đã chen vào giữa tôi và mọi đi đâu tôi trải qua như một phin lọc. Tôi chơi, tôi đọc sách, tôi hoạt tác như thường lệ nhưng chẳng ở trong gì hết. Mọi thứ đã trở nên giả tạo. Tôi khó lòng nhớ nổi các bài học mà trước đó chỉ cần đọc liếc qua là tôi đã nắm rõ. Một ý thức phồng to lên chẳng chú mục vào cái gì đã thay thế cho thái độ học tập trẽn nải của tôi, vốn dĩ trông chờ vào sự dễ dàng ấy.

Đó là một cảnh không thể phán xét. Bố tôi, người vốn dĩ rất yêu quý tôi, đã muốn loại trừ mẹ tôi, người cũng yêu quý tôi. Vì mẹ mang nhiều phẩm cách Ki tô hơn bố, vì bà quản tiền nong và gặp các cô giáo của tôi, hẳn tôi phải xem việc bà mắng ông sa sả, giống như mắng tôi, là hết sức tự nhiên. Chẳng ở đâu có lỗi hay thủ phạm. Tôi chỉ cần ngăn bố giết mẹ để rồi phải vào tù.

Dường như tôi đã chờ cảnh ấy quay lại suốt nhiều tháng, có lẽ là nhiều năm, chắc chắn là nó sẽ tái diễn. Sự hiện diện của khách hàng trấn an tôi, tôi e ngại những thời điểm chỉ có chúng tôi với nhau, buổi tối và chiều Chủ nhật. Tôi cảnh giác trước mỗi pha lên giọng nhỏ nhất giữa họ, tôi dò xét bố tôi, khuôn mặt ông, hai bàn tay ông. Trong mọi khoảng im lặng đột ngột, tôi cảm thấy bất hạnh đang ập tới. Ở trường, tôi tự hỏi liệu khi về nhà, mình có thấy thảm kịch đã xong xuôi hay chẳng.

Những lúc họ tỏ ra trù mến với nhau, bằng một nụ cười hay tràng cười rộ ãng lã, một câu nói đùa, tôi tưởng mình đã quay trở lại cái h ãi trước khi cảnh đó xảy đến. Nó chỉ là cơn "mộng dữ". Một tiếng ãng h ãi sau, tôi đã biết rằng cái tỏ lộ âu yếm ấy chỉ có nghĩa vào cái thời khác nó diễn ra và không hề mang tới đảm bảo nào cho tương lai.

Quãng ấy, radio hay phát một bài hát kỳ quặc gọi ra và nhại lại một cuộc ầu ãi đột nhiên diễn ra trong một quán rượu: có quãng im lặng, trong đó một giọng nói chỉ thì thào "đến nghe được cả ru ãi bay qua" rồi một tràng la hét, những câu rối mù. Lần nào tôi cũng thấy hãi hùng. Một hôm, cậu tôi chìa cho tôi quyển tiểu thuyết trinh thám mà ông đang đọc: "Cháu sẽ nói sao nếu bố cháu bị buộc tội giết người dù ông ấy không phải thủ phạm?" Người tôi lạnh toát. Tôi lại thấy ở mọi nơi cảnh của một thảm kịch đã không diễn ra.

Nó đã không bao giờ tái diễn. Bố tôi chết mười lăm năm sau đó, cũng là vào một Chủ nhật của tháng Sáu.

Mãi tận lúc này tôi mới nghĩ đến đi ều sau đây: có lẽ bố mẹ tôi từng nói chuyện lại với nhau về cái cảnh hôm Chủ nhật, hành động của bố tôi, tìm ra lời giải thích, hoặc giả một lời xin lỗi, và quyết định quên đi mọi sự. Chẳng hạn, một đêm sau khi vừa làm tình. Ý nghĩ ấy, cũng như tất cả các

ý nghĩ mà người ta đã không có vào thời điểm xảy ra sự việc, tới quá muộn. Nó chẳng còn hữu dụng nữa, trừ phi để đong đếm, nhờ sự vắng mặt nó, nỗi hãi hùng không lời mà Chủ nhật đó đã gây ra cho tôi.

Tháng Tám, vài người Anh đến cắm trại bên lề một con đường vắng tại miền Nam nước Pháp. Sáng ra, người ta thấy họ đã bị sát hại, ông bố, sir Jack Drummond, vợ ông, lady Ann, và con gái họ, Elizabeth. Trang trại gần nhất thuộc về một gia đình gốc Ý, nhà Dominici, mà đứa con trai Gustave thoát tiên đã bị kết tội giết ba người kia. Nhà Dominici nói tiếng Pháp kém, còn nhà Drummond, có lẽ khá hơn. Tiếng Anh và tiếng Ý, tôi chỉ biết mỗi "do not to lean outside" và "è pericoloso sporgersi", được viết trên tàu hỏa, bên dưới dòng "không thò đầu ra ngoài". Người ta thấy chuyện những người khá giả lại thích ngủ ngoài trời hơn là trong khách sạn thật kỳ lạ. Tôi đã tưởng tượng mình chết cùng bố mẹ bên lề một con đường.

Tôi còn lại hai bức ảnh từ cái năm ấy. Một bức chụp tôi nhận lễ ban thánh thể. Đó là một "ảnh nghệ thuật", đen trắng, nhét và dán vào một quyển sổ giấy bìa, khám các đường uốn lượn, được phủ một lớp giấy gàn như trong suốt. Bên trong, có chữ ký của nhiếp ảnh gia. Người ta thấy một bé gái khuôn mặt đầy đặn, lóng mịn, gò má cao, cái mũi tròn với hai lỗ mũi rộng. Cặp kính gọng to, sáng màu, trễ xuống giữa gò má. Cặp mắt nhìn chăm chăm vào ống kính. Tóc ngắn, uốn xoắn, thò ra ở đằng trước và đằng sau cái mũ bon nê, từ đó rủ xuống tấm khăn voan buộc hờ dưới cằm. Khóe môi thoáng nét cười. Một khuôn mặt bé gái nghiêm túc, trông già hơn tuổi vì tóc uốn nếp và cặp kính. Nó quỳ trên bệ cầu nguyện, hai cùi chỏ chống lên chỗ dựa nhồi nệm, hai bàn tay, rộng bản, với chiếc nhẫn đeo

ở ngón út, chụm lại để dưới má và quấn vòng quanh một chuỗi tràng hạt rủ xuống quyền sách kinh và cặp găng tay để trên bệ cầu nguyện. Tính mờ, vô định hình, của dáng người trong cái váy mút xơ lin với dây lưng thắt lỏng, giống cái mũ đội đầu. Cảm giác không có cơ thể bên dưới trang phục của cô xơ bé nhỏ kia vì tôi không thể hình dung ra nó, càng không cảm nhận được nó như tôi đang cảm nhận cơ thể mình vào lúc này. Kinh ngạc khi nghĩ rằng thế nhưng ngày hôm nay vẫn y hệt.

Bức ảnh được chụp vào ngày 5 tháng Sáu năm 1952. Nó đã được chụp, không phải vào ngày tôi nhận ban thánh thể đầy trang trọng vào năm 1951, mà - tôi không còn biết tại sao lại như vậy - vào thánh lễ "lặp lại lời khẩn", khi người ta làm lại nghi lễ đó, trong cùng trang phục, một năm sau.

Trên bức ảnh còn lại, nhỏ, hình chữ nhật, tôi đứng cùng bố trước một bức tường thấp có các chậu hoa. Đó là ở Biarritz, cuối tháng Tám năm 1952, chắc hẳn là trên lối đi dạo chạy dọc biển mà người ta thường không trông thấy trong một chuyến đi theo tua tới Lourdes. Chắc tôi cao không quá một mét sáu mươi, bởi đầu tôi chỉ chớm qua vai bố, mà ông cao một mét bảy mươi ba. Tóc tôi đã dài ra sau ba tháng, tạo thành một kiểu như vương miện lông cừu, được giữ bằng sợi ruy băng quấn quanh đầu. Bức ảnh rất mờ, được chụp bằng cái máy ảnh hình lập phương mà bố mẹ tôi thắng được tại một hội chợ hũ trước chiến tranh. Không thấy rõ mặt cùng cặp kính của tôi cho lắm, nhưng thấy rõ được một nụ cười rộng ngoác. Tôi mặc chân váy và áo sơ mi đầu màu trắng, đồng phục của tôi vào lễ tuổi trẻ ở trường Ki tô. Khoác ngoài là áo vét, không xỏ tay. Ở đây, tôi có vẻ mảnh khảnh, gầy gò, do cái chân váy bó ở phần hông rồi loe ra bên dưới. Trong bộ trang phục ấy, trông tôi giống một phụ nữ nhỏ nhắn. Bố tôi thì vận vét tối màu, áo sơ mi và quần màu sáng, cà vạt sẫm. Ông chỉ cười mỉm, với vẻ

lo lắng quen thuộc ông trưng ra trên tất cả các bức ảnh. Chắc hẳn tôi đã giữ bức này vì khác với những bức kia, ở đây chúng tôi hiện ra như những người chúng tôi vốn dĩ không phải, những người lịch thiệp, những người đi nghỉ. Ở cả hai bức ảnh tôi đều không hé miệng cười, do rằng tôi mọc không đều và bị sâu.

Tôi nhìn mấy bức ảnh đó cho đến lúc đánh mất mọi suy nghĩ, như thế, nếu cứ cố nhìn chúng, tôi sẽ chui được vào cơ thể và khuôn mặt của đứa bé gái kia, nó từng ở đó, một ngày nọ, trên bề mặt nguyên của nhiếp ảnh gia, tại Biarritz, với bố nó. Thế nhưng, nếu tôi chưa bao giờ thấy chúng, nếu người ta cho tôi xem chúng lần đầu tiên, hẳn tôi đã không tin đó là tôi. (Chắc chắn rằng "đó là tôi", không thể nhận ra chính mình, "đó không phải tôi".)

Chúng chỉ cách nhau có ba tháng. Cái đầu tiên chụp đầu tháng Sáu, cái thứ hai là cuối tháng Tám. Chúng quá khác nhau về khổ ảnh, chất lượng, nên không thể chỉ ra một thay đổi chắc chắn nào trong dáng dấp và khuôn mặt tôi, nhưng dường như ấy là hai mốc thời gian, một, đứa con gái nhận ban thánh thể, vào cuối tuổi thơ mà nó đang khép lại, còn mốc kia, mở đầu quãng thời gian mà tôi sẽ không ngừng cảm thấy nhục. Có lẽ đó chỉ là ham muốn cắt lấy một đoạn cụ thể trong cả độ dài của mùa hè đó, giống một sự gia hẳn sẽ làm. (Nói, "mùa hè đó" hay "mùa hè năm tôi mười hai tuổi" cũng là biến những gì từng không như vậy thành ra có tính tiểu thuyết hơn so với những gì vốn là như vậy đối với tôi vào mùa hè năm 1995 này, đi đâu tôi thậm chí còn không tưởng tượng được là rồi một ngày nó sẽ vào trong cái ý niệm được yếm bùa mà mấy từ "mùa hè ấy" gợi lên.)

Tôi cũng còn lại các dấu vết vật chất từ cái năm ấy:

một bưu thiếp-ảnh đen trắng chụp nữ hoàng Anh Elizabeth II. Một

bé gái con những người bạn ở Le Havre của bố mẹ tôi đã tặng nó cho tôi, con bé đã sang Anh cùng lớp để xem lễ đăng quang. Mặt sau bưu thiếp có một vết nhỏ màu nâu nhạt, đã ở đó khi tấm thiếp được đưa cho tôi, và đi đầu này khiến tôi thấy kinh tởm. Lần nào nhìn thấy tấm bưu thiếp, tôi cũng nghĩ tới vết bẩn. Nữ hoàng Elizabeth II được nhìn từ góc nghiêng, mắt dôi ra xa, tóc đen, cắt ngắn, chải về đằng sau, miệng rộng, dày thêm lên lớp son thắm. Bàn tay trái thì lên một tấm lông thú, còn tay phải thì cầm quạt. Không thể nào nhớ nổi hồi đó tôi có thấy bà đẹp hay không. Có lẽ câu hỏi đã không được đặt ra bởi vì bà là nữ hoàng.

một túi đựng đồ khâu bằng da đỏ, bên trong sạch trơn phụ kiện, kéo, móc, bấm, v.v., món quà Giáng sinh được tôi thích hơn một cái lót tay vì hữu ích ở trường hơn.

một tấm bưu thiếp chụp bên trong vương cung thánh đường Limoges mà tôi đã gửi cho mẹ trong chuyến đi Lourdes theo tua. Bằng nét chữ to tướng, ở mặt sau tấm thiếp: "Ở Limoges, khách sạn rất tuyệt, rất đông người nước ngoài đến đây. Hôn rất nhiều", cùng tên tôi và "Bố". Bố tôi là người viết địa chỉ. Dấu bưu điện ngày 22/08/52.

một sổ bưu thiếp: "Pháo đài Lourdes. Bảo tàng Pyrénées", mà chắc tôi đã mua khi chúng tôi đến thăm nơi này.

bản nhạc một bài hát, *Di Cuba*, một tờ giấy đúp màu xanh lam với những con thuyền nhỏ trên bì ghi tên các nghệ sĩ hát hoặc chơi nhạc cho bài hát, Patrice và Mario, hai chị em Étienne, Marcel Azzola, Jean Sablon, v.v. Chắc tôi phải đặc biệt thích nó bởi tôi đã muốn sở hữu lời bài hát, thuyết phục được mẹ tôi cho tiền để mua

một thứ trong mắt bà là vớ vẩn và nhất là chẳng ích gì cho việc học ở trường. Tức là, nó còn hơn cả những bài hit của mùa hè ấy, *Ma p'tite folie* và *Mexico*, những bài hát mà một trong các lái xe ca của chuyến đi Lourdes cứ lẩm nhẩm hát.

Quyển sách kinh nằm bên dưới đôi găng tay của tôi ở bức ảnh ban thánh thể, gọi là *Sách kinh chiêm La Mã* của Dom Gaspar Lefebvre - Bruges. Trang nào cũng được chia thành hai cột, La tinh-Pháp, trừ ở khoảng giữa quyển sách có phần "thường dụng của lễ mi xa", trong đó toàn bộ trang bên phải viết bằng tiếng Pháp còn trang bên trái bằng tiếng La tinh. Ngay đầu, một "lịch lễ thể tục và các ngày lễ không cố định từ 1951 đến 1968". Những ngày tháng lạ thường, vì quyển sách ở bên ngoài thời gian và hẳn có thể đã được viết từ nhiều thế kỷ trước. Những từ ngữ không ngừng quay trở lại vẫn hết sức tối tăm đối với tôi, như lời nguyện thầm trên lễ vật, bài kinh bậc, lời tung hô thay *alleluia* vào mùa Chay (tôi không nhớ mình từng tìm cách hiểu chúng). Kinh ngạc tột độ, tới mức thấy khó ở, khi lật giở quyển sách đó, đối với tôi dường như nó được viết bằng một ngôn ngữ huyền bí. Tôi nhận ra tất cả các từ và hẳn tôi có thể không nhìn mà vẫn nhắm theo được đoạn sau của kinh *Chiêm Thiên Chúa* hay lời cầu nguyện ngắn nào đó khác, nhưng tôi không thể nhận ra mình ở đũa con gái mà mỗi Chủ nhật và ngày lễ lại chăm chỉ đọc bài kinh cho lễ mi xa, có lẽ còn nồng nhiệt, chắc hẳn coi là một tội lỗi nếu không làm vậy. Cũng giống mấy bức ảnh tạo nên chứng cứ cho cơ thể tôi hồi 1952, quyển sách kinh - được lưu giữ qua những lần chuyển nhà chẳng hề vô hại - là bằng chứng vật chất không thể chối cãi cho vũ trụ tôn giáo từng là của tôi nhưng giờ tôi

không còn cảm thấy được nữa. Tôi không cảm thấy cùng nỗi bức bối trước *Đi Cuba*, cái bài hát nói về tình yêu và du ngoạn, hai ham muốn luôn luôn hiển hiện trong đời tôi. Tôi vừa sung sướng lâm nhâm lại lời, *Chúng tôi là hai cậu trai hai cô gái/Trên một cái thuyền gỗ nhỏ/Nó mang tên Nina-Để thương/Và chúng tôi đi Cuba.*

Nhiều ngày nay, tôi sống với cái cảnh hôm Chủ nhật tháng Sáu. Khi đã viết nó ra, tôi thấy nó "rõ ràng", với màu sắc, hình dạng sắc nét, tôi nghe thấy những giọng nói. Giờ đây, nó đã xám đi, rời rạc và câm lặng, giống một bộ phim chiếu trên kênh truyền hình bị mã hóa mà lúc xem không có bộ giải mã. Việc chuyển nó thành từ ngữ chẳng hề khiến sự thiếu vắng ý nghĩa của nó thay đổi. Nó vẫn luôn luôn là cái mà nó từng là kể từ năm 1952, một thứ điên rồ và chết chóc, thứ mà tôi liên tục lấy ra so sánh với phần lớn các sự kiện đời tôi, nhằm đánh giá mức độ đau đớn của chúng, mà không tìm được gì tương đương nó.

Nếu, vì tôi đã có cảm giác về chuyện đó, dựa trên nhiều dấu hiệu khác nhau - nhu cầu quay trở lại với những dòng chữ viết ra, không thể làm việc gì khác -, tôi đang bắt đầu một cuốn sách, thì tôi đã mắc phải nguy cơ ngay lập tức hé lộ mọi sự. Nhưng chẳng có gì như thế, chỉ có độc sự kiện thô. Cái cảnh đã đông cứng lại từ nhiều năm ấy, tôi muốn khiến nó nhúc nhích nhằm lột khỏi nó tính thiêng của linh ảnh bên trong tôi (được làm chứng, chẳng hạn, bằng cái niềm tin rằng nó đã khiến tôi viết, rằng chính nó nằm ở nền sâu những cuốn sách của tôi).

Tôi không trông đợi gì từ cả tâm phân học lẫn một thứ tâm lý học gia đình mà tôi chẳng khó nhọc gì cũng lập ra được những kết luận sơ sài đã có từ lâu, bà mẹ thống trị, ông bố đập tan sự quy thuận của mình bằng một

hành động chết người, v.v. Nói "đấy là một sang chấn tâm lý gia đình" hay "các vị thần của tuổi thơ đã bị lật đổ vào ngày hôm đó" chẳng hề phạm gì vào một cảnh mà duy cái ngữ thức ập đến với tôi khi ấy mới có thể mang lại, *phát điên*. Những từ trừu tượng, ở đây, ở lại phía bên trên tôi.

Hôm qua, tôi đến cơ quan Lưu trữ Rouen tra cứu tờ *Paris-Normandie* năm 1952, tờ báo mà hồi trước người giao báo ngày nào cũng mang đến cho bố mẹ tôi. Đó cũng là một điều tôi còn chưa bao giờ dám làm cho tới lúc này, như thể tôi sẽ lại *phát điên* lúc mở tờ báo tháng Sáu. Lúc đi lên cầu thang, tôi có cảm giác mình đang bước về phía một cuộc hẹn hải hùng. Trong căn phòng nằm ngay dưới mái của tòa thị chính, một phụ nữ mang cho tôi hai quyển sổ to màu đen đựng tất cả các số báo của năm 1952. Tôi bắt đầu xem lướt từ số báo ngày 1 tháng Một. Tôi muốn chần chừ để trì hoãn thời điểm đến ngày 15 tháng Sáu, tự đặt mình lại vào chuỗi tiếp nối vô hại của những ngày từng là của tôi trước mốc ngày tháng kia.

Ở bên trên, góc bên phải, trang nhất đăng dự báo thời tiết của trưởng tu Gabriel. Tôi chẳng thể đặt gì ở bên dưới, cả các trò chơi lẫn những chuyến đi dạo. Tôi vắng mặt khỏi cuộc diễu đó của các đám mây, mặt trời với những khoảng bùng lên, đông lốc, đánh dấu bước chạy của thời gian.

Tôi biết phần lớn những sự kiện được nêu, chiến tranh Đông Dương, chiến tranh Triều Tiên, các cuộc bạo loạn ở Orléansville, kế hoạch Pinay⁽²⁾, nhưng hẳn tôi sẽ không đặc biệt định vị chúng vào năm 1952, chắc hẳn vì đã ghi nhớ chúng vào một thời kỳ về sau của đời mình. Tôi không thể nổi "Sáu xe đạp gắn thuốc nổ đã nổ tung ở Sài Gòn" và "Duclos⁽³⁾ bị bắt giam ở Fresnes vì xâm phạm an ninh quốc gia" với bất kỳ hình ảnh nào của mình hồi 1952. Việc Stalin, Churchill, Eisenhower

đang sống thời ấy cũng như giờ đây là Yeltsin, Clinton hay Kohl, đối với tôi, đều có vẻ xa lạ như nhau. Tôi chẳng nhận ra gì. Cứ như thể tôi đã không sống vào quãng thời gian ấy.

Trước bức ảnh chụp Pinay, tôi đã choáng váng khi thấy ông trông giống hệt Giscard d'Estaing, không phải người hiện nay, đã già yếu, mà cái người cách đây hai mươi năm. Mấy từ "tấm màn sắt" đã đặt tôi trở lại vào lớp học của trường tư, khi cô giáo bảo chúng tôi đọc kinh khoảng mười lần cho các Ki-tô hữu ở đằng sau và khi tôi thấy một bức tường kim loại khổng lồ nơi nam giới cùng phụ nữ lao vào.

Tuy nhiên, tôi đã ngay lập tức nhận ra truyện tranh hài, *Poustiquet*, tương đồng với những truyện từng xuất hiện suốt một thời gian dài ở trang cuối tờ *France-Soir*, và truyện tiểu lâm trong ngày, mà tôi tự hỏi nó có từng chọc cười được mình không, chẳng hạn mẫu chuyện sau đây: "Kìa, anh cá, nó có cần không? - Ồ! không, thưa ông, đấy là cá đục, chúng không dữ đâu." Tôi cũng nhận ra các quảng cáo cùng tên những bộ phim chiếu tại các rạp ở Rouen trước khi tới Y., *September Affair*, *Vợ tôi rất tuyệt*, v.v.

Ngày nào cũng có các tin vắn rất đáng sợ, một đứa bé hai tuổi đột nhiên chết trong lúc ăn bánh sừng bò, một chủ trang trại phạt đứt hai chân đứa con trai chơi trốn tìm giữa đám lúa mì, một quả trái phá giết chết ba đứa trẻ tại Creil. Đó là những gì tôi muốn đọc hơn cả.

Giá bơ và sữa lên trang nhất. Dường như thế giới thôn quê từng chiếm một vị trí lớn, bằng chứng là những thông tin về bệnh sốt lở mồm long móng, những phóng sự về các nữ nông dân, các quảng cáo cho loạt sản phẩm thú y, Lapidrine, Osporcine. Cứ xem số viên ngậm cùng xi rô được rao, hẳn người thời đó ho rất nhiều hoặc giả chỉ tự chữa bằng mấy thứ đó

chứ không đi khám bác sĩ.

Số ra thứ Bảy có một mục "Cho quý bà". Tôi nhận thấy có nét hao hao giữa một số mẫu vết và cái áo tôi mặc ở bức ảnh chụp tại Biarritz. Nhưng, phần còn lại, tôi chắc chắn cả mẹ lẫn tôi năm đó đều không ăn mặc theo lối ấy và trong số các kiểu đầu được giới thiệu không thấy có mái tóc uốn nếp thành vương miện của tôi, gần như là phi dê, trong bức ảnh ấy.

Tôi đã tới được số thứ Bảy-Chủ nhật 14-15 tháng Sáu. Trang nhất đưa tin: "Vụ thu hoạch lúa mì dự kiến sản lượng tăng 10% - Chưa xuất hiện ứng viên vô địch ở giải đua xe *24 heures du Mans*. Tại Paris ông Jacques Duclos bị thâm vẩn rất lâu - Sau mười ngày tìm kiếm, thi thể cô bé Joëlle đã được tìm thấy ở gần nhà bố mẹ. Cô bé đã bị bà hàng xóm ném xuống hồ chuồng tiêu, bà ta đã thú nhận tội ác."

Tôi không muốn tiếp tục đọc báo thêm nữa. Lúc đi xuống các cầu thang của cơ quan Lưu trữ, tôi nhận thấy mình tới đó như thể sẽ tìm được cảnh ấy trên báo chí năm 1952. Về sau, tôi kinh ngạc nghĩ rằng cảnh đó diễn ra trong khi đám ô tô rú ga không mệt mỏi trên đường đua Mans. Tôi thấy việc đặt hai hình ảnh cạnh nhau thật không sao hình dung nổi. Trước khi tự nhủ rằng chẳng gì trong hàng tỷ sự kiện xảy ra trên thế giới vào Chủ nhật đó có thể đặt cạnh cảnh ấy mà khiến tôi ngây người. Chỉ mỗi nó là thực.

Tôi có ở trước mặt danh sách các sự kiện, các bộ phim cùng những quảng cáo mà tôi đã sung sướng chép lại trong lúc lướt qua đồng báo *Paris-Normandie*. Tôi không trông đợi gì từ dạng tài liệu đó. Việc nhận ra là không có nhiều ô tô, tủ lạnh và rằng Lux là xà phòng tắm cho các ngôi sao

hồi 1952 không có gì hứng thú hơn so với việc liệt kê máy tính, lò vi sóng và tủ đông lạnh vào những năm chín mươi. Phân bố xã hội của mọi thứ có ý nghĩa hơn sự tồn tại của chúng. Hồi 1952, chuyện đáng kể nằm ở chỗ không có nước ở bồn rửa trong khi những người khác có phòng tắm, còn ngày nay là mua quần áo ở Froggy trong khi những người khác lại mua ở Agnès B. Về khác biệt giữa các giai đoạn, báo chí chỉ cung cấp các dấu hiệu tập thể.

Điều quan trọng đối với tôi là tìm lại được những từ tôi từng dùng để tự ngẫm và suy nghĩ về thế giới xung quanh. Nhưng người phụ nữ là tôi đây vào năm 1995 không có khả năng tự dịch chuyển vào trong đĩa bé gái hồi 1952 vốn chỉ biết thành phố nhỏ nó sống, gia đình nó và ngôi trường tư nó học, chỉ có thể sử dụng một vốn từ vựng nhỏ bé. Và trước mặt nó, mệnh mông thời gian để sống. Không thực sự có ký ức về chính mình.

Nhằm đạt được thực tại của mình khi ấy, tôi chẳng có phương cách chắc chắn nào khác ngoài đi tìm các luật cùng các nghi thức, lòng tin và giá trị định nghĩa các chốn, trường học, gia đình, tình lẻ, nơi tôi bị tóm lấy và là những thứ chi phối cuộc đời tôi, cho dù tôi không nhìn ra được các mâu thuẫn ở đó. Phơi bày ra những ngôn ngữ đã tạo dựng tôi, các từ của tôn giáo, các từ của bố mẹ tôi được nối vào những động tác cùng các vật, những tiểu thuyết mà tôi hay đọc trên *Tiếng vọng nhỏ của thời trang*⁽⁴⁾ hay trên *Những tôi hàn huyền trong lều tranh*⁽⁵⁾. Dùng những từ đó, mà một số hăng đang còn đè nặng lên tôi, nhằm phân tích và lật ngược lại, quanh cái cảnh ngày Chủ nhật tháng Sáu, văn bản của thế giới năm tôi mười hai tuổi và tưởng chừng mình phát điên.

Lẽ dĩ nhiên không có câu chuyện, thứ hẳn sẽ tạo ra một thực tại thay vì kiếm tìm nó. Cũng không hài lòng với việc lấy ra và chép lại các hình ảnh

từ h ỡ ớc mà lại xử lý chúng như những tài liệu sẽ được soi sáng bằng cách đặt chúng vào những cách tiếp cận khác nhau. Nhìn chung là trở thành nhà dân tộc học của chính tôi.

(Chắc hẳn không cần thiết phải ghi chép toàn bộ cái này, nhưng tôi không thể thực sự bắt đầu viết mà không thử nhìn cho rõ vào các điều kiện viết của tôi.)

Bằng cách ấy, có lẽ tôi nhắm đến chỗ hòa tan đi ều cảnh không thể nói ra lời h ỡ tôi mười hai tuổi vào đặc điểm chung của các luật và của ngôn ngữ. Có lẽ chuyện vẫn là cái đi ều điên r ồ và chết người ấy, được gọi lên bởi những từ kia của một quyển sách kinh mà bây giờ tôi không sao đọc nổi, từ một nghi thức mà suy tư của tôi đặt bên cạnh bất kỳ nghi lễ đạo Vô đư nào, *hãy cầm lấy và đọc đi bởi cái này là cơ thể ta và máu ta, thứ sẽ đổ vì người.*

T háng Sáu năm 1952, tôi còn chưa bao giờ ra khỏi lãnh thổ mà người ta thường gọi theo cách thức mơ hồ nhưng ai cũng hiểu, ở *nhà mình*, xã Caux, trên hữu ngạn sông Seine, giữa Le Havre và Rouen. Quá đó là đã bắt đầu cái thiếu chắc chắn, phần còn lại của nước Pháp và của thế giới mà ở *chỗ đó*, với một cái khoát tay chỉ về chân trời, tập hợp lại trong cùng vẻ hờ hững và không thể hình dung chuyện sống tại đó. Dường như không thể đi Paris theo cách nào khác ngoài theo tua, trừ phi có người nhà ở đó để chỉ dẫn cho ta. Đi tàu điện ngầm hiện ra như một kinh nghiệm phức tạp, kinh hãi hơn cả việc leo lên đoàn tàu ma ở hội chợ và đòi hỏi một quá trình học tập mà người ta giả định là dài và khó. Niềm tin chung là người ta không thể đi đâu đó mà không *biết* và lòng ngưỡng mộ sâu sắc đối với những người đàn ông hay phụ nữ *không sợ đi khắp nơi*.

Hai thành phố lớn ở *nhà mình*, Le Havre và Rouen, khơi lên ít e sợ hơn, chúng là một phần thuộc ngôn ngữ của mọi ký ức gia đình, thuộc cái đời thường trong các cuộc trò chuyện. Nhiều công nhân làm việc ở đó, sáng đi tối về bằng "xe lửa bánh hơi Micheline". Tại Rouen, gần hơn và lớn hơn Le Havre, *có mọi thứ*, tức là các cửa hàng lớn, các chuyên gia về đủ thứ bệnh, nhiều rạp chiếu phim, một bể bơi có mái che để học bơi, hội chợ Saint-Romain kéo dài một tháng vào tháng Mười một, xe điện, các phòng trà cùng các bệnh viện lớn nơi nhiều người đến để được thực hiện những cuộc phẫu thuật rất khó, cai nghiện ma túy và sốc điện. Trừ phi đến đó làm công nhân tại một công trường tái thiết, chẳng ai đến đó mà lại ăn vận "như mọi ngày". Mỗi năm một lần, mẹ tôi dẫn tôi đến đó để khám mắt và mua kính. Bà tranh thủ dịp ấy để mua mỹ phẩm và những mặt hàng "mà

người ta không tìm được ở Y.". Ở đó chúng tôi không thực sự ở nhà mình, vì không quen ai. Người ta có vẻ ăn mặc đẹp hơn và nói năng hay hơn. Tại Rouen, người ta mơ hồ cảm thấy "bị chận", về mức độ hiện đại, trí tuệ, sự lưu loát chung của các cử chỉ và lời lẽ. Đối với tôi, Rouen là một trong những hình mẫu của tương lai, giống các tiêu thuyết nhiều kỳ cùng các tờ báo về một.

Năm 1952, tôi không thể nghĩ mình ở bên ngoài Y. Bên ngoài các con phố của nó, các cửa hàng của nó, các cư dân của nó, đối với họ tôi là Annie D. hay "con bé D.". Đối với tôi không có thế giới khác. Tất cả các lời lẽ đều chứa Y., chính là trong tương quan với các trường học của nó, nhà thờ của nó, những người bán vải vóc của nó, các ngày lễ của nó, mà người ta tự định vị và ham muốn. Cái thành phố bảy nghìn dân nằm giữa Le Havre và Rouen đó là thành phố duy nhất nơi chúng tôi có thể nói về nhiều người nhất "ông ấy hay bà ấy sống ở phố đó, có mấy con, làm việc ở chỗ kia", nơi chúng tôi có khả năng nói giờ giấc các lễ mi xa và lịch chiếu phim của rạp Leroy, hiệu bánh ngon nhất hay hàng thịt ít bột xén nhất. Bố mẹ tôi sinh ở đó và, trước họ, ông bà tôi và các cụ kị ở các làng lân cận, không có thành phố nào khác chúng tôi am tường hơn, dẫu là về không gian hay thời gian. Tôi biết ai từng sống năm mươi năm về trước tại ngôi nhà cạnh nhà chúng tôi, nơi mẹ tôi vẫn mua bánh mì khi từ trường làng về nhà. Tôi từng gặp những người đàn ông và phụ nữ mà mẹ tôi và bố tôi, trước khi gặp nhau, đã suýt lấy. Những người "không ở đây" là những người mà người ta chẳng có được hiểu biết nào về họ, mà lịch sử thì xa lạ, hay không thể kiểm chứng, và những người đó không biết lịch sử của chúng tôi. Người Bretagne, Marseille hay Tây Ban Nha, tất cả những ai không nói "giống chúng tôi" đều thuộc, ở các cấp độ khác nhau, vào số

những người xa lạ.

(Gọi tên thành phố ấy - như tôi từng làm những lần khác - ở đây đối với tôi là không thể, ở đây nó không phải địa điểm địa lý được ghi trên một tấm bản đồ, nơi người ta đi cắt qua khi từ Rouen tới Le Havre bằng tàu hỏa hoặc ô tô trên quốc lộ 15. Ấy là cái cội ngu ãn không tên nơi, khi quay trở lại, ngay tức khắc tôi bị rơi vào cơn ngáy độn tước đi khỏi tôi mọi suy nghĩ, gần như mọi kỷ niệm cụ thể, như thể nó lại sắp nuốt chửng lấy tôi.)

Địa hình của Y. h ã năm 1952.

Trung tâm, bị tàn phá trong trận hỏa hoạn khi quân Đức tấn công vào năm 1940, sau đó bị oanh tạc vào năm 1944 giống phần còn lại của Normandie, đang trong quá trình tái thiết. Nó bày ra một hỗn hợp các công trường, những khu đất trống cùng các tòa nhà bê tông đã xây xong, có hai tầng với các loại hình thương mại hiện đại dưới tầng trệt, những lán trại tạm cùng các tòa nhà cũ thoát được khỏi chiến tranh, tòa thị chính, rạp chiếu phim Leroy, bưu điện, các khu chợ. Nhà thờ đã bị đốt, một căn phòng dựng trên quảng trường tòa thị chính được dùng thay: lễ mì xa được cử hành trên sân khấu, trước những người ng ãi bệt dưới đất hoặc trong dãy hành lang chung quanh.

Xung quanh trung tâm tỏa ra các phố lát đá hay rải nhựa đường, hai bên là những ngôi nhà nhiều tầng bằng gạch hay đá và vỉa hè, các khu nhà biệt lập đằng sau rào sắt, nơi các chương khế, bác sĩ, giám đốc, v.v. sống. Ở đó cũng có các trường công và tư, nằm cách xa nhau. Đây không còn là trung tâm nữa, nhưng vẫn là phố thị. Vượt quá đó thì mở ra những khu phố mà cư dân nói mình đi "lên thành phố" hay thậm chí "đi Y." những lúc vào trung tâm. Ranh giới giữa trung tâm và các khu phố thiếu chắc chắn về

mặt địa lý: kết thúc vỉa hè, nhiều ngôi nhà cũ hơn (dựng gỗ trét, hai hay ba phòng là cùng, không có nước cấp, nhà vệ sinh ở bên ngoài), các vườn rau, mỗi lúc một ít cửa hàng ngoài một hàng thực phẩm khô-quán cà phê-tiệm than, sự xuất hiện của những "cư xá". Nhưng rõ ràng với mọi người trong thực tiễn: trung tâm, đó là nơi người ta không đi dép hoặc mặc đồ lao động để đi mua đồ. Giá trị của các khu phố giảm dần theo đà chúng nằm xa khỏi trung tâm, theo sự hiếm dần của các biệt thự và theo đà tăng của những khối nhà có sân chung. Các khu dân cư xa xôi hơn cả, với những đường đất, các đoạn lầy lội những khi trời mưa và những trang trại đàng sau sườn dốc, đã thuộc về vùng nông thôn.

Khu phố Clos-des-Parts, chạy dài, từ trung tâm cho đến cầu Canal, giữa phố République và khu phố Champ-de-Courses. Phố Clos-des-Parts, chạy từ đường Le Havre - băng ngang trung tâm - tới cầu Canal, là trục chính. Cửa hàng của bố mẹ tôi nằm ở phần thấp của phố - người ta nói "lên phố" - nơi góc một con ngõ rải đá nối vào với phố République. Từ đó, có thể đi theo ngõ này hay phố Clos-des-Parts để tới trường tư, trong trung tâm, bởi chúng chạy song song. Mọi đi đâu đâu khiến chúng đối nghịch nhau. Phố République, rộng, rải nhựa đường, hai bên có vỉa hè suốt từ đầu đến cuối, nhiều xe ô tô và xe ca chạy về hướng bờ biển cùng các bãi tắm, cách hăm lăm cây số. Ở khu trên cao, có các biệt thự đồ sộ mà người ta không biết ai ở, thậm chí chưa từng "gặp qua". Sự hiện diện của một gara Citroën, của vài ngôi nhà liền kê trông thẳng ra phố, của một người thợ sửa xe đạp tại khu thấp, không đánh mất đi tính quý tộc của nó. Trước khi tới cầu Canal, bên phải, tụt xuống phía dưới đường tàu của Đường sắt Quốc gia, có hai đầm nước rất lớn, một chứa đầy thứ nước đen ngòm, cái còn lại thì nước màu lục do rêu ở bề mặt, một lối đi hẹp bằng đất ở giữa chúng. Đó là đầm

lầy của đường xe lửa, chốn chết chóc của Y., nơi một số phụ nữ từ đầu kia thành phố đến trăn mình. Vì người ta không trông thấy nó từ phố République, nó bị ngăn cách với phố này bằng một sườn dốc bên trên hàng giậu ken dày, cứ như thể nó không thuộc về phố ấy.

Phố Clos-des-Parts thì hẹp, không đều, không vỉa hè, với những đoạn dốc đột ngột và các khúc quanh lớn, có ít người qua lại, chủ yếu là các công nhân đi xe đạp buổi tối dùng nó để ra đường Le Havre. Buổi chiều, nó có sự tĩnh lặng cùng những tiếng ồn xa xa của vùng nông thôn. Vài biệt thự của các ông chủ có xưởng bên cạnh, nhiều nhà cũ thấp tè, liền kề nhau, của các nhân viên cùng công nhân. Phố Clos-des-Parts thông với, bằng bốn con đường ngoằn ngoèo ô tô không đi được, khu phố rộng lớn Champ-de-Courses, khu này trải rộng tới tận bãi đua ngựa, vươn cao phía trên là khối nhà của dưỡng đường. Ấy là một khu phố rợp bóng những hàng giậu cùng khu vườn phía trước mấy ngôi nhà cũ, nơi những "người yếu về kinh tế", những gia đình đông đúc và những người già sinh sống nhiều hơn so với các chỗ khác. Từ phố République sang những con đường đất của khu Champ-de-Courses, chỉ trong vòng chưa đầy ba trăm mét, người ta chuyển từ sự dư dả sang nghèo đói, từ vẻ đô thị sang vẻ quê kệch, từ không gian rộng sang chật chội. Từ những người được bảo vệ, mà ta chẳng biết gì về họ, sang những người mà ta biết họ nhận trợ cấp loại nào, ăn uống đồ gì, đi ngủ lúc mấy giờ.

(Lần đầu tiên miêu tả, mà không có quy tắc nào khác ngoài sự cụ thể, những phố tôi chưa bao giờ suy nghĩ mà chỉ bằng ngang trong tuổi thơ, khiến cái tôn ti xã hội mà chúng chứa đựng hiện ra thật rõ. Cảm giác, gần như vậy, về sự phạm thánh: thay thế địa hình êm dịu của những kỷ niệm, toàn bộ làm bằng các ấn tượng, màu sắc, hình ảnh (biệt thự Edelin! cây tử

đẳng! những bụi cây ngấy ở khu Champ-de-Courses!), bằng một địa hình khác với các đường nét cứng ngắt khiến cho nó mất đi phép màu, nhưng sự thật hiển nhiên thì không thể tranh cãi kể cả với chính ký ức: hồi 1952, tôi chỉ cần nhìn những mặt tiền cao đẳng sau một bãi cỏ và các lối đi rải sỏi là biết những người sống ở đó *không giống chúng tôi.*)

Nhà mình còn có nghĩa:

1) khu phố

2) không thể gỡ rời khỏi nhau, ngôi nhà cùng cửa hàng của bố mẹ tôi.

Quầy thực phẩm khô-hàng xén-quán cà phê được đặt trong một khối gồm nhiều căn nhà cũ thấp bằng gỗ trét màu vàng và nâu, hai bên sườn nối vào một tòa nhà mới hơn bằng gạch, có một tầng lầu, trên một khoảnh đất chạy từ phố République đến phố Clos-des-Parts. Chúng tôi sống ở phần mở ra phố ấy, cùng một ông làm vườn già có quyền đi qua sân nhà chúng tôi. Quầy thực phẩm khô, với một phòng ngủ bên trên, phòng ngủ duy nhất, nằm ở phần xây mới bằng gạch. Cửa ra vào và một quầy hàng mở ra phố Clos-des-Parts, một quầy hàng khác thì nhìn ra cái sân mà phải đi vào mới đến được quán cà phê, trong phần què kệch. Bốn gian nối tiếp nhau, kể từ quầy thực phẩm khô: bếp, không gian của quán cà phê, hầm, một cái kho gọi là "gian trong cùng", chúng thông với nhau và đều mở ra sân (trừ bếp, bị khoanh cứng lại giữa quầy thực phẩm khô và quán cà phê). Không gian nào dưới tầng trệt có mục đích sử dụng riêng tư, ngay cả bếp cũng thường dùng làm lối đi cho khách qua lại giữa quầy thực phẩm khô và quán cà phê. Việc không có cửa giữa quán cà phê và bếp cho phép bố mẹ tôi vẫn giao tiếp được với khách và những người này thì nghe ké được radio. Từ bếp, một cầu thang có chỗ ngoặt dẫn lên gian nhỏ áp mái, nơi ấy

bên trái là phòng ngủ còn bên phải là kho. Trong gian ấy đặt cái xô vệ sinh mà thường mẹ tôi và tôi dùng, bố tôi thì chỉ dùng vào ban đêm (ban ngày, ông sử dụng chỗ đi tiêu đặt ngoài sân giống mấy người khách, nó là một cái thùng tô nô quây ván xung quanh). Nhà vệ sinh ngoài vườn thì chúng tôi dùng vào mùa hè, khách hàng thì cả năm. Chỉ trừ những phen trời đẹp, có thể ra ngoài ng ỡng, còn thì tôi đọc sách và làm bài tập ở chỗ đỉnh cầu thang, một bóng đèn điện chiếu sáng. Từ đó, tôi nhìn được mọi thứ qua các thanh chắn mà không bị trông thấy.

Cái sân tạo thành một dạng đường rộng, bằng đất nện, nằm giữa nhà và mấy khối hữu dụng cho buôn bán. Đằng sau chúng, một khu lán với các chu ồng thỏ, chỗ giặt, nhà vệ sinh, một khu nhỏ quây lại nuôi gà quế, một bãi đất nhỏ để cỏ mọc.

(Tôi đã ng ỡng chính ở đây, một buổi tối cuối tháng Năm hoặc đầu tháng Sáu, trước khi có cảnh kia. Tôi đã làm xong bài tập, khắp nơi thật êm dịu. Tôi cảm giác thấy tương lai. Cùng cảm giác với những lúc tôi hát tương lên trong phòng ngủ bài *Mexico* và *Đi Cuba*, cái cảm giác mà toàn bộ những gì không biết về cuộc sống trước mặt mình mang lại.)

Những khi chúng tôi từ thành phố quay về, khi bắt đầu nom thấy qu ầy thực phẩm khô hơi thò ra ngoài phố, mẹ tôi hay nói: *Ta sắp về đến lâu đài rồi.* (Niềm kiêu hãnh cũng ngang với sự giễu cợt.)

Cửa hàng mở quanh năm từ bảy giờ sáng đến chín giờ tối, không nghỉ, trừ chiều Chủ nhật, hôm đó hàng thực phẩm khô đóng cửa cho tới tối, còn quán cà phê thì mở lại lúc sáu giờ. Những lượt đến và đi của khách hàng, cách sống của họ cùng công việc của họ chỉ định thời gian biểu cho chúng tôi, cả ở phía quán cà phê (đàn ông) lẫn bên phía đồ ăn thức uống (phụ nữ). Một chút im lặng vào buổi chiều, trong ồn ào liên tục của ngày. Khi

ấy mẹ tôi tranh thủ dọn giường, cầu nguyện, đem lại một cái cúc, còn bố tôi thì đi chăm một vườn rau lớn mà ông thuê ở gần nhà.

Gần như toàn bộ khách khứa của bố mẹ tôi là người ở phần thấp của phố Clos-des-Parts và phố République, khu Champ-de-Courses và một vùng nửa quê mùa, nửa công nghiệp, trải rộng đến quá đường xe lửa. Thật ra một phần là khu phố Sory, theo tên một nhà máy mà bố mẹ tôi từng làm hồi còn trẻ, đã bị thay thế kể từ lúc chiến tranh bởi một xưởng may và một cơ sở sản xuất lồng chim. Chỉ một phố duy nhất, chạy song song với đường xe lửa phía trên cao, sau các nhà máy thì dẫn vào một khu đất bằng phẳng nơi chất đống hàng trăm khối gỗ dùng để làm lồng. Ấy là khu phố thân thuộc: mẹ tôi đã sống ở đó từ tuổi thiếu niên cho đến lúc lấy chồng, một trong các anh em trai của mẹ, hai em gái và mẹ của mẹ vẫn còn ở đó. Ngôi nhà mà bà ngoại tôi sống cùng một trong hai dì của tôi và chồng của dì là căng tin cũ, cũng là phòng để quần áo của nhà máy sory: một dãy lán gồm năm phòng nhỏ, được nâng cao lên, nền đất không chắc và rất vang âm, không có điện. Ngày đầu năm, cả gia đình tụ tập ở căn phòng nơi bà tôi sống, người lớn ngồi quanh bàn uống rượu và hát, bọn trẻ con thì trên cái giường kê sát vào tường. Vào các Chủ nhật hồi tôi còn nhỏ xíu, mẹ hay đưa tôi đến ôm hôn bà tôi, rồi chúng tôi đi sang nhà bác Joseph, tại đó tôi chơi cái xích đu khổng lồ trên các khối gỗ cùng các chị họ, hoặc nhìn những đoàn tàu chạy qua về hướng Le Havre, vừa nhìn vừa vẫy tay, hay *xử lũ con trai* mà chúng tôi gặp. Dường như chúng tôi chỉ còn thỉnh thoảng đến đó hồi 1952.

Đi từ trung tâm thành phố xuống khu Clos-des-Parts, rồi khu Sory, còn là trượt từ một không gian nơi người ta nói chuẩn tiếng Pháp vào cái nơi người ta nói kém, tức là vào một thứ tiếng nơi người ta nói kém, tức là vào

một thứ tiếng Pháp phổ thông trộn lẫn với thổ ngữ theo tỷ lệ biến thiên tùy vào tuổi tác, nghề nghiệp, khát vọng vươn lên. Gần như thuần khiết ở những người già, chẳng hạn bà tôi, thổ ngữ bị giới hạn ở các ngữ thức và âm điệu ở những cô nhân viên công sở. Mọi người đầu nhất trí thấy thổ ngữ là xấu và cổ lỗ, ngay cả những ai sử dụng nó nhiều, và họ phân bua như sau, "thì ai chẳng biết phải nói như thế nào nhưng nói vậy nó nhanh hơn". Nói giỏi thì ắt phải nỗ lực, tìm một từ khác thay cho cái từ bộc phát vụt tới, dùng một giọng nhẹ hơn, đầy cẩn trọng, như thể người ta đang thao tác những thứ đồ mỏng manh. Đa phần người lớn không coi "nói tiếng Pháp chuẩn" là cần thiết, đi đâu đó chỉ tốt cho đám trẻ. Bố tôi hay nói "bố cóa" hay "bố cọa", lúc tôi nhắc thì ông nói "bố có" đầy kẻ cả, dẫn từng âm tiết, rồi thêm vào bằng cái giọng thông thường của ông, "đấy là vì con muốn", thông qua hành động nhượng bộ ấy mà muốn thể hiện rằng việc nói năng văn hoa chẳng mấy quan trọng với ông.

Hồi 1952, tôi viết "tiếng Pháp tốt" nhưng chắc hẳn tôi nói "nơi mà từ đó tôi trở về" và "tôi rửa ráy" thay vì "tôi tắm"⁽⁶⁾ giống bố mẹ tôi, bởi vì chúng tôi có cùng cách sử dụng thế giới. Cách sử dụng được định nghĩa bằng các động tác ngẩng, cười, cách lấy các đồ vật, những từ định trước đi đâu phải làm với cơ thể mình và sự vật. Mọi cách thức sao cho:

không hao phí đồ ăn và tận hưởng nó hết mức: chuẩn bị các mẫu bánh mì nhỏ hình lập phương, để cạnh đĩa, để nhúng nước xốt - ăn món khoai tây nghiền nóng hôi hổi từ rìa hoặc thổi phía trên cho nguội - nghiêng đĩa để thìa múc được hết sạch xúp, hoặc lấy hai tay cầm đĩa rồi húp - uống nước nhằm đẩy những gì đang ngậm trong miệng xuống

sạch sẽ mà không dùng quá nhiều nước: chỉ sử dụng một âu

nước nhỏ để rửa mặt, đánh răng và rửa tay, chân vào mùa hè vì chúng bị bần - mặc những thứ quần áo *ít bị dây bẩn*

thịt và chế biến những con vật mà ta ăn bằng các động tác chắc nịch: một cú đâm vào sau tai con thỏ, kéo mở rộng ra đâm vào họng con gà kẹp giữa hai chân, một cú dao quắm phạt đứt đầu vịt kê trên thót

biểu lộ sự coi thường của mình theo lối im lìm: nhún vai, quay lưng lại rồi vỗ mạnh tay vào đít.

Những cử chỉ hằng ngày phân biệt phụ nữ với đàn ông:

đưa mặt bàn là hơi gần má để kiểm tra độ nóng, bò lồm ngồm để cạo sàn nhà hoặc giạng rộng chân trong lúc hái các thứ rau cỏ cho thỏ ăn, tối đến bít tất và quần lót bốc mùi

nhổ nước bọt vào hai lòng bàn tay trước khi cầm cán xẻng, kẹp điều thuốc chưa hút vào sau tai, ngồi giạng chân trên ghế, bật tanh tách con dao nhỏ và nhét nó vào túi.

Các lối nói lịch sự, *rất vui! Ngồi đi, thì có mất thêm gì đâu.*

Các câu kết nối bí hiểm cơ thể vào với tương lai, với phần còn lại của thế giới, *ước một điều gì đi lông mi rụng kia, tôi bị ù tai trái có người đang nói tốt về tôi, và lẽ dĩ nhiên, với tự nhiên, mắt cá tôi nhức quá, sắp mưa rồi.*

Những câu dọa yêu hoặc nghiêm khắc nói với trẻ con, *tao sẽ cắt tai mày - xuống khỏi đó ngay, rồi mày sẽ ăn một cái bọ tai.*

Những lời chế nhạo gạt phăng mọi biểu hiện của tính dục dằng, *trẻ*

không hư già mất nết, nhòn chó chó liếm mặt, v.v.

Do màu bụi của những phá đi và xây lại h ồi sau chiến tranh, của những bộ phim cùng sách giáo khoa đen trắng, những cái áo ca na đen cùng ba đờ xuy tối màu, tôi thấy thế giới h ồi 1952 đơn điệu một màu xám, giống những nước Đông Âu cũ. Nhưng có hoa h ồng, hoa ông lão cùng cây đậu tía mọc thò ra từ những rào sắt trong khu phố, những chiếc váy xanh điểm đỏ như váy của mẹ tôi. Mấy bức tường của quán cà phê thì được dán một thứ giấy in hoa màu h ồng. Có ánh nắng của ngày Chủ nhật xảy ra cảnh kia. Đó chỉ là một thế giới thuộc nghi thức và im lặng, mà các tiếng động cô lẻ, nổi vào với những cử chỉ cùng hoạt động mà ai cũng biết rõ, cho biết từng giờ, từng mùa: chuông c ầu kinh Đức Bà của đường báo giờ dậy và giờ ngủ của người già, tiếng còi nhà máy dệt, tiếng xe ô tô ngày có chợ, tiếng chó sủa cùng tiếng xẻng nện bình bịch xuống đất vào mùa xuân.

Tu ần được tái nhỏ ra thành "những ngày đẽ" định nghĩa bằng các hoạt động tập thể và gia đình, những chương trình radio. Thứ Hai, ngày ngán ngẩm, đ ồ ăn thừa cùng bánh mì hôm trước, chương trình *Tiếng hát phát thanh* trên kênh Radio-Luxembourg. Thứ Ba, đẽ giặt giũ và chương trình *Nữ hoàng một ngày*, thứ Tư, đẽ đi chợ và xem áp phích thông báo bộ phim sắp tới tại rạp Leroy, *Sấp hay giữa*, Thứ Năm, ngày nghỉ, ngày ra tờ Lisetle. Thứ Sáu, đẽ cho cá, thứ Bảy, đẽ tổng vệ sinh dọn dẹp nhà cửa và gọi đ ầu. Chủ nhật, ngày của lễ mi xa, nghi thức quan trọng quy định các nghi lễ khác, thay quần áo lót, dùng một món đ ồ vệ sinh mới, bánh ngọt từ hiệu bánh và "thêm chút xiu", những bồn phận cùng những khoái lạc.

Mọi buổi tối trong tu ần, vào lúc bảy giờ hai mươi phút, nghe chương trình đọc truyện dài kỳ *Gia đình Duraton*.

Và thời gian của cuộc đời được định mức bằng "tuổi đời", qua lễ ban thánh thể và nhận một cái đồng hồ đeo tay, lần đầu tiên đi uốn tóc đối với bọn con gái, bọn com lê đầu tiên đối với bọn con trai

có kính và được đi tất dài

tuổi được uống rượu vang trong các bữa ăn gia đình, được hút một điếu thuốc lá, được ở lại khi những câu chuyện bậy bạ tuôn ra

làm việc và đi vũ hội, "giao du"

đi quân dịch

xem các bộ phim phóng túng

tuổi kết hôn và sinh con

vận đờ đen

không làm việc nữa

để chết.

Ở đây chẳng gì phải nghĩ, mọi đi đâu tự hoàn thành.

Người ta cứ không ngừng nhớ lại. "Trước chiến tranh" và "hồi còn chiến tranh" liên tục mở đầu các câu chuyện của họ. Không cuộc tụ tập gia đình và chúng bạn nào không kèm việc gọi lại thời Bỏ chạy, Chiếm đóng và những cuộc oanh tạc, người nào cũng tham gia tái tạo bản anh hùng ca, miêu tả cảnh khiếp sợ hay hãi hùng, nhắc đến cái rét mùa đông năm 1942, củ cải, các báo động, bắt chước tiếng tên lửa đạn đạo V2 trên trời. Cuộc sơ tán khơi lên loạt câu chuyện trữ tình nhất, theo truyền thống được kết luận bằng "cuộc chiến tranh tới đây, tôi sẽ ở lại nhà" hoặc "sẽ không bao giờ được thấy lại đi đâu đó nữa". Các tranh cãi nổ ra ở quán cà phê giữa những người dính hơi ngạt hồi chiến tranh 1914 và các tù nhân hồi 1939-45, bị coi là những kẻ trốn tránh.

Tuy nhiên người ta không ngừng viện đến tiến bộ như là một lực tất yếu mà người ta không thể và cũng không được kháng cự, các dấu hiệu của nó nhân bội lên, nhựa, tất ni lông, bút bi, xe Vespa, canh xúp đóng gói và giáo dục cho mọi người.

Hồi mười hai tuổi tôi sống trong những chuẩn định cùng các quy tắc của thế giới ấy, không thể ngờ được là còn có những gì khác.

Chỉnh đốn và dạy dỗ lũ trẻ con, vốn có tiếng khó bảo, là nghĩa vụ của những phụ huynh tốt. Từ "cho ăn vả" đến "rèn giũa", mọi thứ đều được phép tuốt. Đi đâu này không hàm ý cả sự cứng rắn lẫn độc ác, với đi đâu kiện ra sức, mặt khác, chi tiêu chuộng đừa trẻ và không đi quá chừng mực. Thường thì một phụ huynh kết thúc câu chuyện về lỗi của đừa con và hình phạt cho nó bằng câu "lẽ ra tôi đã cho nó gục luôn tại chỗ rồi!" đầy kiêu ngạo: vừa giáng xuống một chỉnh đốn đúng đắn lại còn kháng cự được cơn giận dữ chết người thái quá dù cái thói xấu ở mức độ ấy lẽ ra rất đáng phải chịu. Chính vì sợ làm cho tôi gục tại chỗ mà bố tôi luôn thôi không giơ tay đánh tôi, và thậm chí còn không mắng tôi, nhường vai trò ấy lại cho mẹ tôi. Đờ đờ dáy! Gớm chưa kìa! Rồi đời sẽ dạy cho mày biết!

Mọi người dò xét mọi người. Nhất định cần phải biết cuộc sống của người khác - để kể về nó - và bí kín cuộc đời mình - để nó khỏi bị kể. Chiến lược thật khó giữa "mọi thông tin" từ một ai đó nhưng đổi lại không để bị moi ra đi đâu gì, mà chỉ "nói những thứ mình muốn người khác biết". Trò giải trí ưa thích của tất cả là gặp nhau. Nhất là những lúc từ rạp chiếu phim đi ra, những khi có các đoàn tàu tới, buổi tối, ở nhà ga. Việc

nhieu người tụ họp với nhau có vẻ là một lời biện minh đầy đủ để hội vào với họ. Hội rước đuốc, đoàn đua xe đạp băng ngang là dịp tận hưởng cả việc trông thấy biết bao người đến đó lẫn cảnh tượng, được về nhà mà kể ai cũng đã ở đó và ở với ai. Người ta quan sát các hành xử, người ta gõ ròi những đối đãi cho tới tận các lò xo nhỏ nhất bị giấu kín, người ta tập hợp những dấu hiệu mà khi được dồn tụ và diễn giải chúng dựng nên câu chuyện của những người khác. Tiểu thuyết tập thể, ai cũng mang đến phần góp của riêng mình, bằng một phân mảnh của câu chuyện, một chi tiết, vào cho nghĩa chung, nó, theo những người tụ tập trong cửa hàng hay bên bàn, có thể được tóm tắt lại thành "ấy là một người tốt" hoặc "chẳng đáng gì mấy".

Những cuộc trò chuyện xếp các sự kiện cùng các cử chỉ của mọi người, cách hành xử của họ, vào hạng mục tốt và xấu, được phép, thậm chí được khuyến khích, hoặc không thể chấp nhận nổi. Thái độ bài xích tuyệt đối chĩa vào những người ly hôn, những người cánh tả, những người sống chung không hôn thú, những thiếu nữ làm mẹ, những phụ nữ rượu chè, phá thai, những người từng bị cạo đầu hồi Giải phóng, không chăm lo nhà cửa, v.v. Dĩ hơn một chút, các cô gái mang thai trước đám cưới và những người đàn ông *vui thú ở quán cà phê* (nhưng *vui thú* vẫn cứ là đặc quyền của bọn trẻ con cùng đám thanh niên), lối cư xử của đàn ông nói chung. Người ta ca ngợi lòng can đảm trong công việc, nếu chẳng chuộc lại được một hành xử thì ít nhất cũng có khả năng khiến nó trở nên đáng dung thứ, *hắn rượu chè nhưng không lười biếng*. Sức khỏe là một phẩm chất, *cô ta không có sức khỏe*, một lời buộc tội cũng ngang một lời bày tỏ lòng cảm thông. Bệnh tật, dấu thể nào, cũng lờ mờ nhuốm vết tội lỗi, như là sự thiếu cảnh giác của cá nhân trước số phận. Theo một cách thức chung,

người ta khó lòng trao cho người khác toàn vẹn và chính đáng quyên được ốm, lúc nào họ cũng bị nghi ngờ khả năng *chăm lo bản thân*.

Trong các câu chuyện, sự tàn khốc hiện ra theo lối hết sức tự nhiên, thậm chí nhất thiết, như nhằm cảnh báo người ta phải đề phòng trước một bất hạnh mà tuy vậy, không chắc có thể ngừa cho nổi, bệnh tật hoặc tai nạn. Chỉ vì một chi tiết mà khăng khăng với một hình ảnh hẳn chẳng thể nào rũ bỏ. "Cô ta ng ỡ phải hai con rắn lục", "ông ta có một cái xương mục trong đầu". Gần như luôn nhấn mạnh vào nỗi hãi hùng vụt đến thay vì khoái lạc dự tính, bọn trẻ con đang chơi yên ổn với một đồ vật sáng bóng, ấy là một quả trái phá, v.v.

Để mũi lòng, *nhạy cảm*, thì gợi ra những phản ứng ngạc nhiên và hiếu kỳ. Tốt hơn hết là nói trước, *thì cũng có sao đâu*.

Người ta đánh giá mọi người căn cứ vào mức độ dễ gần của họ. Cần phải giản dị, thẳng thắn và lịch sự. Bọn trẻ con "lớp thấp", đám công nhân "khó chi ều" vi phạm quy tắc trò chuyện đúng đắn với người khác. Đi tìm sự cô độc bị nhìn nhận thiếu thiện cảm, rất dễ bị coi là một "con gấu". Muốn sống một mình - niềm khinh bỉ nhằm vào các ông già độc thân cùng những bà gái già -, không nói chuyện với ai bị xem như từ chối hoàn thành một đi ều gì đó thuộc phẩm cách con người: *bọn họ sống như lũ mọi rợ!* Vậy cũng là công khai cho thấy rằng người ta chẳng quan tâm tới đi ều hấp dẫn hơn cả, đời kẻ khác. Vậy là, *thiếu vốn sống*. Nhưng giao du quá chăm với hàng xóm, bạn bè, "lúc nào cũng vất vẻo" ở nhà người này người kia, cũng rất bị chê trách: thiếu tự tôn.

Lịch thiệp là giá trị thống ngự, nguyên tắc thứ nhất của đánh giá xã hội. Nó bao gồm, chẳng hạn:

trở, một bữa ăn, một món quà - tuân thủ thật sát sao thứ tự về tuổi tác khi chúc tết -, không *làm phiền* người khác, ví như đến nhà họ không báo trước, tra hỏi họ theo lối gạn gùng, không *làm mất mặt* họ, ví như không nhận một lời mời, không nhận cái bánh quy đã chia ra, v.v. Lịch thiệp cho phép *giao hảo* với những người khác và không tạo cơ hội cho các đàm tiếu: không nhòm vào nhà người ta những lúc đi qua sân chung nghĩa là không phải không muốn nhìn mà là không bị trông thấy khi đang tìm cách nhìn. Những chào hỏi ngoài phố, câu xin chào trao đi hay bị bỏ qua, cách nghi thức ấy được hoàn thành hay không được hoàn thành - xa cách hay vui tươi, dừng lại bắt tay nhau, nói một câu hay cứ thế mà đi - đều là đối tượng của chú tâm tỉ mỉ, các giả định *chắc ông ấy không thấy mình, chắc ông ấy đang vội*. Người ta không thể tha thứ cho những ai chối bỏ tồn tại của người khác bằng cách *chẳng thèm nhìn ai*.

Là thanh ba ri e bảo vệ, lịch thiệp trở nên vô tích sự giữa chồng và vợ, bố mẹ và con cái, được xem như đạo đức giả hoặc ác ý. Thói cục cằn, càu nhàu và kêu ca cấu thành những hình thức bình thường trong giao tiếp gia đình.

Giống mọi người là đích ngắm chung, lý tưởng cần đạt đến. Sự độc đáo bị coi là lập dị, thậm chí là dấu hiệu cho thấy *có uẩn khúc chi đây*. Tất cả thủy chó của khu phố đều mang tên Miquet hay Bobby.

Tại quán cà phê-hàng thực phẩm khô, chúng tôi sống giữa thiên hạ, như chúng tôi gọi các khách hàng. Họ trông thấy chúng tôi ăn, đi dự lễ mi xa, tới trường, nghe thấy tiếng chúng tôi rửa ráy trong góc bếp, đi tiêu vào cái xô. Việc liên tục xuất hiện trước mặt người khác buộc ta phô ra cách hành xử đáng tôn trọng (không chửi rủa, nói năng bậy bạ, nói xấu người khác), không biểu lộ bất cứ cảm xúc nào, giận dữ hay buồn bã, che giấu mọi thứ

có thể trở thành đối tượng bị đố kỵ, hiểu kỳ, hoặc *thuật lại*. Chúng tôi biết rất nhiều điều về khách hàng, nguồn thu nhập cùng cách sống của họ nhưng thỏa thuận là họ không được biết gì về chúng tôi, hoặc biết càng ít càng tốt. Vậy nên, "trước thiên hạ", cấm không được nói đã mua một đôi giày mất bao nhiêu tiền, không được than đau bụng hay kể lễ điếm tốt ở trường - hình thành thói quen ném một cái khăn che đi cái bánh ngọt mua từ hiệu bánh, nhét chai rượu vang xuống gầm bàn khi có khách đến. Đợi cho không còn ai nữa mới cãi nhau. Bằng không, *người ta sẽ nghĩ sao về chúng tôi?*

Trong số các điều của bộ luật quy định sự hoàn hảo của người bán hàng liên quan tới tôi có:

chào thật to và rõ ràng mỗi khi tôi bước vào hoặc đi qua cửa hàng hay quán cà phê

chào khách hàng trước ở mọi nơi tôi gặp họ

không kể lại những chuyện mà tôi biết về họ,

không nói xấu họ cũng như những người bán hàng khác

không bao giờ tiết lộ số tiền thu được trong ngày

không *tự phụ, khoe khoang*.

Tôi đã biết rõ cái giá cho mỗi lần làm không đúng dấu nhỏ đến đâu các quy tắc đó, *con sẽ làm chúng ta mất khách*, hệ quả sẽ là *phá sản*.

Việc phơi trần các quy tắc của thế giới hỡi tôi mười hai tuổi trong thoáng chốc trả lại cho tôi sức nặng không sao nắm bắt nổi, cảm giác bị quây kín, mà tôi cảm thấy trong những giấc mơ. Các từ mà tôi tìm lại được thì mờ đục, những tảng đá không sao lay cho được. Bị tước đi hình

ảnh cụ thể. Bị tước đi cả nghĩa nữa, cái nghĩa mà hẳn một cuốn từ điển có thể cung cấp cho tôi. Chẳng có cả sự siêu việt lẫn giấc mơ xung quanh: như là bằng vật chất. Những từ thông dụng liên kết bền chặt với các sự vật và những con người của tuổi thơ tôi, mà tôi không thể vận dụng. Những tấm khắc luật lệ.

(Các từ từng khiến tôi mơ mộng hồi 1952, *Nữ hoàng xứ Golconde*⁽⁷⁾, *Đại lộ hoàng hôn*⁽⁸⁾, *ice-cream*, *pampa* sẽ chẳng bao giờ có trọng lượng nào, chúng đã lưu giữ sự hời hợt cùng vẻ hương xa thời xưa của chúng, khi chúng chỉ dẫn chiếu đến những vật xa lạ. Và biết bao tính từ được các tiểu thuyết phụ nữ rất ưa dùng, cái vẻ *kiêu kỳ*, cái giọng *gắt gỏng*, *cộc cằn*, *cao ngạo*, *chế báng*, *gay gắt*, mà tôi chẳng hề ngờ có ai ngoài đời, ở quanh tôi, có thể ứng vào. Tôi thấy dường như mình luôn luôn tìm cách viết bằng thứ ngôn ngữ đầy tính vật chất của khi ấy chứ không phải với các từ và cú pháp không đến với tôi, những thứ hẳn không từng đến với tôi hồi đó. Tôi sẽ không bao giờ biết sức mê hoặc của các ẩn dụ, nỗi hân hoan cao vợi của văn phong.)

Gần như không có từ để biểu đạt các tình cảm. *Tôi đã bị lừa* để nói về vỡ mộng, *tôi đã gặp xui* để nói đến bất mãn. *Buồn như có tang* được nói ra nhằm tới nỗi hối tiếc phải để lại bánh ngọt trong đĩa và nỗi buồn vì mất một anh người yêu. Và *phát điên*. Ngôn ngữ của tình cảm là ngôn ngữ trong các bài hát của Luis Mariano và Tino Rossi, những tiểu thuyết của Delly, những kỳ phơ ở tông⁽⁹⁾ trên *Tiếng vọng nhỏ của thời trang* và *Cuộc sống nở hoa*⁽¹⁰⁾.

Gì đây tôi sẽ tái dựng vũ trụ của trường tư Công giáo, nơi tôi đã trải qua nhiều thời gian hơn cả và chắc hẳn là thứ thống trị cuộc đời tôi nhiều nhất, bằng cách hội tụ lại và hòa vào nhau bền chặt hai mệnh lệnh và hai lý tưởng, tôn giáo và hiểu biết.

Tôi là người duy nhất trong gia đình đi học tại một trường tư, các anh chị em họ tôi sống ở Y. đầu học trường công, giống đám con gái trong khu phố, ngoại trừ dăm ba người, lớn tuổi hơn.

Khu nhà lớn bằng gạch đỏ sẫm của ký túc xá chiếm hết một bên con phố im lìm và tối tăm tại trung tâm Y. Đối diện, các mặt tiền không trở cửa sổ của dãy nhà kho chắc hẳn thuộc P.T.T.⁽¹¹⁾ Không có cửa sổ nào dưới tầng trệt, vài lỗ thông hơi tròn tí trên cao để lấy ánh sáng cùng hai cánh cửa lúc nào cũng đóng chặt. Một để học sinh ra vào, trông ra một sân chơi khép kín và được sưởi ấm, từ đó người ta vào được nhà nguyện. Cửa còn lại, cách xa cửa thứ nhất, học sinh không được đi, ở đó phải bấm chuông thì mới được một nữ tu sĩ dẫn vào sảnh nhỏ, trước bàn làm việc của bà hiệu trưởng và phòng gặp. Trên tầng hai, có những cửa sổ tương ứng với các lớp học và một hành lang. Những cửa sổ tầng ba cùng các ô nhỏ sát mái phía bên trên được rèm trắng đục che đi. Khu phòng ngủ ở trên đó. Cấm nhìn xuống phố từ bất kỳ cửa sổ nào.

Khác với trường công, ít tập trung hơn, nơi người ta thấy lũ học sinh chơi trong một cái sân thật rộng, đằng sau các rào sắt, từ bên ngoài không thể thấy gì của ký túc xá. Có hai sân chơi. Một, lát đá, mặt trời không chiếu vào được, bị tàng lá của một cái cây cao làm mờ tối đi, được dành cho các học sinh không mấy đông thuộc phân khu gọi là "trường tự do",

gồm những bé gái mồ côi của một cơ sở nằm bên cạnh tòa thị chính cùng những đứa con gái có bố mẹ không đủ điều kiện trả tiền cho chế độ ngoại trú. Có một cô giáo dạy cho chúng, từ lớp vỡ lòng cho đến lớp sáu, mà chẳng mấy đứa học tới đây, vì chuyển thẳng sang "học nữ công gia chánh". Sân kia, rộng và nhiều nắng, thì cho lũ học sinh có trả tiền của khu nội trú đứng nghỉ - những đứa con gái nhà buôn bán, thợ thủ công và làm nông - trải rộng phía trước toàn bộ chiều dài nhà ăn và cái sân trong nhỏ mà người ta phải đi qua để lên các lớp ở tầng hai. Nó bị chắn một phía bởi nhà nguyện có các ô kính rào song sắt còn phía bên kia bởi một bức tường - nơi các nhà vệ sinh bần thủ tựa vào nhau từ hai phía - phân tách nó khỏi trường tự do. Chỗ cuối sân, song song với khu nhà nội trú, một lối đi trồng cây đoạn rậm rì, dưới bóng cây lũ con gái nhỏ chơi nhảy lò cò còn những đứa lớn thì ôn bài. Đằng sau lối đi ấy, một vườn rau cùng cây ăn quả mà người ta không nhìn thấy được đến cuối - một bức tường cao - trừ phi vào mùa đông. Hai sân thông với nhau bằng một ô cửa không gắn cánh ở bức tường dãy nhà vệ sinh. Chừng hai mươi học sinh trường tự do và một trăm năm mươi đến hai trăm học sinh nội trú chỉ gặp nhau vào những ngày lễ và lễ ban thánh thể trang trọng, chúng không nói chuyện với nhau. Bọn con gái bên ký túc xá nhận ra lũ bên trường tự do nhờ quần áo, đôi khi chính là quần áo của chúng, nhưng đã cũ sờn, bị bố mẹ chúng bỏ đi, cho đám nghèo kia.

Những người đàn ông duy nhất được phép thường xuyên vào và đi lại trong trường tự do là các linh mục và ông làm vườn, người chủ yếu ở dưới hầm hoặc ngoài vườn. Các công việc sửa chữa cần đến công nhân được thực hiện trong kỳ nghỉ hè. Bà hiệu trưởng và hơn một nửa số nữ giáo viên là tu sĩ ăn vận lối dân sự, màu đen, xanh nước biển hay nâu và được gọi là

"Cô". Những người khác, các bà các cô độc thân đôi khi rất thanh lịch, là con nhà tư sản thương gia, thân hào, trong thành phố.

Trong số các quy tắc phải tuân thủ nghiêm ngặt có:

xếp hàng trước cái sân nhỏ khi có tiếng chuông đầu tiên, do các cô giáo thay nhau rung, im lặng đi lên các lớp học khi có chuông lần thứ hai sau đó năm phút

không đặt tay lên lan can cầu thang

đứng dậy khi có cô giáo, linh mục hoặc bà hiệu trưởng bước vào lớp, tiếp tục đứng cho tới khi họ đi khỏi, trừ phi họ có động tác mời ngồi, khăn trương mở cửa cho họ và đóng cửa lại

mỗi lần nói chuyện với các cô giáo hoặc đi qua trước mặt họ, phải cúi đầu, cup mắt, gập nửa thân trên xuống, theo cùng cách thức lúc ở nhà thờ, trước thánh thể

cấm chỉ mọi học sinh ngoại trú và, lúc ban ngày, mọi học sinh nội trú, được lên khu phòng ngủ. Ấy là chốn bị cấm ngặt hơn cả của ký túc xá. Tôi chưa bao giờ lên đó trong suốt thời gian học

trừ phi có đặc cách ghi trên chứng nhận y tế, cấm chỉ đi vệ sinh ngoài các giờ ra chơi. (Buổi chiều hôm quay lại trường sau lễ Phục sinh năm 1952, tôi bị mót ngay từ khi giờ học mới bắt đầu. Tôi cố nhịn, toát hết mồ hôi, suýt ngất xỉu, cho đến giờ ra chơi, trong nỗi kinh hoàng sẽ ị ra quần.)

Giáo dục và tôn giáo không được phân tách cả trong không gian lẫn trong thời gian. Mọi thứ, trừ sân chơi và nhà vệ sinh, đều là nơi cầu nguyện. Dĩ nhiên là nhà nguyện, lớp học, treo thập giá trên tường, phía bên trên bàn

giáo viên, phòng ăn và vườn, nơi, vào tháng Năm, chúng tôi đọc kinh lần tràng hạt trước tượng Đức Mẹ dựng trên bệ, ở tận trong cùng một cái hang làm từ tán lá bất chước cái hang ở Lourdes. Những lời cầu nguyện mở đầu và khép lại tất cả các hoạt động nhà trường. Người ta đứng mà cầu nguyện ở sau băng ghế, đầu cúi thấp, các ngón tay đan vào nhau, và làm dấu thánh⁽¹²⁾ vào lúc bắt đầu và kết thúc. Những bài cầu nguyện dài nhất mở màn giờ học buổi sáng và giờ học buổi chiều. Tám giờ rưỡi, *Lạy Cha chúng con ở trên trời, Con kính mừng Maria, Con tin vào Thiên Chúa Toàn năng, Con thú nhận cùng Thiên Chúa, Kinh tin, kinh cậy, kinh kính mến và kinh sám hối*, đôi khi *Kinh Hầy nhớ Lạy Thánh Nữ Đồng Trinh Maria là Mẹ rất nhân từ*. Một giờ rưỡi chiều, *Kinh Lạy Cha* và mười lần *Con kính mừng Maria*. Những bài ngắn hơn, thường được thay thế bằng bài thánh vịnh những lúc vào lớp sau giờ ra chơi, những lúc tan lớp buổi sáng và buổi chiều. Học sinh nội trú được cầu nguyện gấp đôi, lúc ngủ dậy và lúc đi ngủ.

Cầu nguyện là hành động cốt yếu của cuộc đời, phương thuốc cá nhân và phổ quát. Cần phải cầu nguyện để trở nên tốt đẹp hơn, đẩy lùi cám dỗ, biết tính toán, khỏi bệnh và giáo hóa những kẻ tội lỗi. Hằng sáng, kể từ lớp đờng ấu, diễn ra hoạt động bình cùng một cuốn sách, sách giáo lý. Giáo dục tôn giáo chiếm vị trí thứ nhất trong số các môn trên bảng điểm. Sáng ra, người ta dâng ngày cho Chúa và tất cả hoạt động đều hướng về Người. Mục đích của cuộc đời là lúc nào cũng ở vào "trạng thái được hồng ân".

Sáng thứ Bảy, một nữ sinh lớp lớn đến các lớp thu phiếu xưng tội (tờ giấy trên đó người ta phải viết tên và lớp của mình). Buổi chiều là một chuỗi xưng tội hết sức nghiêm ngặt: đưa con gái vừa xưng tội với cha

tuyên úy trong kho đồ thờ nhận được từ ông một tờ giấy trên đó viết tên đứa mà ông muốn gặp và nghe xưng tội. Đứa kia cầm tờ giấy vào lớp đã được chỉ định, lớn giọng đọc cái tên lên, đứa con gái bèn đứng dậy và đi đến nhà nguyện, cứ thế mãi. Sự tuân thủ các thực hành tôn giáo, xưng tội, nhận ban thánh thể, có vẻ vượt lên trên hiểu biết: "Người ta có thể đạt 10 điểm ở mọi môn nhưng vẫn không thể khiến Chúa hài lòng." Cuối mỗi học kỳ, đức tổng linh mục của nhà thờ, đi cùng bà hiệu trưởng, trao các thứ hạng cùng bảng thành tích, những nữ sinh giỏi nhất nhận một bức hình thánh lớn, những đứa khác nhận một bức nhỏ. Ông ký tên và ghi ngày tháng vào mặt sau.

Thời gian học được cài vào một thời gian khác, thời gian của sách kinh và của phúc âm, thứ quy định bản chất chủ đề dạy dỗ tôn giáo hằng ngày trước giờ chính tả: mùa Vọng, Giáng sinh - trong lớp, một máng nhỏ với các tượng nhỏ được sắp đặt gần cửa sổ, cho đến lễ Rước nến - mùa Chay, được chia ra thành những Chủ nhật thất tuần, lục tuần, v.v., lễ Phục sinh, lễ Thăng thiên, lễ Hạ trần. Từ năm này sang năm khác, mỗi ngày, trường tư khiến chúng tôi sống lại cùng một câu chuyện và giữ chúng tôi trong sự thân thuộc với những nhân vật vô hình và hiện diện khắp mọi nơi, không chết cũng không sống, các thiên thần, Đức Mẹ Đồng Trinh, Hài Đồng Ki Tô, mà chúng tôi biết về cuộc đời họ còn rõ hơn cuộc đời ông bà chúng tôi.

(Mãi tới giờ tôi mới có thể thoát ra và miêu tả những quy tắc của vũ trụ ấy, như thể chúng vẫn tiếp tục bất động như vốn dĩ đối với tôi ở tuổi mười hai. Cái vũ trụ mà, càng lần ngược lại, tôi lại càng thấy hãi hùng với sự cố kết cùng quyền năng của nó. Thế nhưng hẳn tôi đã sống ở đó trong yên bình, chẳng hề muốn vũ trụ nào khác. Bởi các luật lệ của nó vô hình

trong mùi hương thoang thoảng của đồ ăn và của sáp nến bằng bình chôn cầu thang, trong tiếng rì rầm của giờ ra chơi, trong sự im lặng bị cắt ngang bởi những thang âm trong một giờ học piano riêng.

Và tôi phải công nhận điều này: cho tới tuổi thiếu niên, sẽ chẳng gì có thể khiến lòng tin đặt vào Chúa đối với tôi không phải là chuẩn tắc duy nhất và Công giáo không phải là sự thật duy nhất. Tôi có thể đọc *Bản thể và Hư vô*, thấy thật buồn cười khi giáo hoàng Jean-Paul II bị gọi là "tay Ba Lan giả gái" trên tờ *Charlie Hebdo*, nhưng tôi không thể ngăn được rằng hồi 1952 tôi đã tin mình sống trong tình trạng tội lỗi chết người kể từ lễ ban thánh thể đầu tiên, vì tôi đã dùng đầu lưỡi bẻ gãy bánh thánh dính vào vòm miệng trước khi nuốt được nó. Tôi chắc chắn mình đã phá hủy và làm ô uế thứ mà đối với tôi lúc đó là mình Chúa. Tôn giáo là hình thức cho tìn tại của tôi. Tin và bốn phận phải tin không phân biệt với nhau.)

Chúng tôi ở trong thế giới của sự thật và của sự hoàn hảo, của ánh sáng. Thế giới kia là cái thế giới nơi người ta không đi lễ mi xa, nơi người ta không cầu nguyện, thế giới của lỗi lầm, mà tên nó hiếm lắm mới được phát ra, theo cách thức gây mệt mỏi, như một bóng bở: trường thế tục. (Đối với tôi "thế tục" không có hàm nghĩa gì cụ thể, mơ hồ đồng nghĩa với "tối tệ"). Mọi điều đều được làm sao cho thế giới của chúng tôi thoát hẳn khỏi thế giới kia. Người ta không nói "căng tin" mà "nhà ăn", không nói "cái treo áo" mà "cái mắc áo". "Đồng chí" và "cô giáo" thì bốc mùi thế tục, thích hợp là phải nói "các bạn hữu" và "cô", gọi bà hiệu trưởng là "xơ yêu quý". Không cô giáo nào xưng hô thân mật với học trò của họ và người ta gọi là "chị" ở các lớp đồng ấu, với những đứa con gái mới lên năm.

Các ngày lễ liên miên phân biệt trường tư với trường kia. Suốt trong

năm, công việc chuẩn bị cho nhiều buổi diễn chiếm một phần quan trọng trong thời gian học: Giáng sinh, buổi biểu diễn lớn dưới sân trong cho học sinh xem, diễn lại vào hai Chủ nhật tháng Một cho phụ huynh - tháng Tư, lễ Cựu nữ sinh, tại rạp chiếu phim-nhà hát thành phố, với nhiều buổi dành cho phụ huynh những tối tiếp theo - tháng Sáu thì lễ Tuổi trẻ của các trường Ki tô, ở Rouen.

Lừng danh hơn cả trong số các hoạt động lễ lạt là hội chợ giáo xứ, đầu tháng Bảy, trước đó là cuộc diễu hành khắp các phố trong thành phố của tất cả nữ sinh ăn mặc theo chủ đề. Với những bé gái-hoa, những nữ kỹ sĩ cùng những quý bà xưa kia, nhảy nhót và hát ca, trường tư phô bày nét quyến rũ của nó trước đám đông tùm tùm trên các vỉa hè, cho thấy trí tưởng tượng cùng sự vượt trội trước trường công vốn chỉ diễu hành trong trang phục thể dục khô khan, vào tuần trước đó, cho tới chỗ trường đua. Buổi lễ đảm bảo thắng lợi của trường tư.

Quá trình chuẩn bị cho buổi lễ đó biến mọi đi đâu thông thường bị cấm thành ra thoải mái: ra phố để mua vải hoặc đi nhét giấy mời vào các hòm thư, rời lớp ngay giữa giờ học để đi tập diễn. Trong khi ở trường cấm mặc quần dài mà không có chân váy bên trên, thì trên sân khấu đám bé gái vận váy xòe phô đùi vể trăn cùng quần lót của chúng, còn bọn lớn, ngực xẻ sâu và tùm lông dưới nách. Bộ phận sinh dục bồng bênh dưới hình dạng khêu gợi của lũ con gái mặc giả trai hôn tay và tỏ tình.

Vào dịp Giáng sinh năm 1951, tôi là một "cô gái La Rochelle". Cùng dăm ba người khác, tôi đã hát trước công chúng, không nhúc nhích, ôm trong lòng một con thuyền. Lẽ ra tôi đã phải làm một trong "ba chàng trai đánh trống từ chiến trận trở về" nhưng nữ tu sĩ phụ trách duyệt chương trình đã đuổi tôi vì tôi không biết đi đầu nhịp. Tháng Tư năm 1952, ở lễ

Cụu nữ sinh, tôi vào vai cô gái dang đồ cúng cho một phụ nữ chết trẻ, trong một bức tranh Hy Lạp. Người tôi nghiêng xuống, đặt lên một chân duỗi về phía trước, hai bàn tay xòe ra. Kỷ niệm về một cực hình, về nỗi ám ảnh bị ngã lặn xuống sân khấu. Hai vai nhân vật phụ đứng im, chắc hẳn do thiếu nét duyên dáng mà những bức ảnh có thể làm chứng.

Mọi thứ củng cố thế giới ấy đều được khích lệ, mọi thứ đe dọa nó thì bị tố cáo và thóa mạ. Được nhìn nhận tốt:

nếu đến nhà nguyện trong các giờ ra chơi

nếu làm lễ ban thánh thể riêng ngay từ lúc bảy tuổi chứ không đợi lễ ban thánh thể trang trọng giống những đứa con gái của trường không có Chúa

nếu tham gia "Croisées", một hiệp hội có sứ mệnh cải đạo thế giới và đại diện cho mức độ cao nhất trong sự hoàn hảo tôn giáo

nếu luôn có tràng hạt trong túi

nếu mua *Những tâm hồn quả cảm*⁽¹³⁾

nếu có *Sách kinh chiêm La Mã* của Dom Lefebvre

nếu nói mình "cầu nguyện buổi tối cùng cả nhà" và muốn trở thành nữ tu

Bị nhìn nhận xấu:

nếu mang đến lớp sách báo nào khác ngoài sách tôn giáo và *Những tâm hồn quả cảm*. Đọc sách là ngu ần gây ngờ vực, do t ần tại các "sách xấu xa", chúng, theo nỗi e ngại cùng những cảnh báo mà chúng gây nên, theo thứ hạng được xếp trong cuộc kiểm điểm lương tâm trước khi xưng tội, hẳn phải đáng ngại và có số lượng lớn hơn

so với những sách tốt. Những quyển được phát vào ngày trao phần thưởng và được mượn ở hiệu sách Công giáo của thành phố không dành để đọc mà để bày. Vậy nên chúng gây cảm hóa ngay từ cái nhìn đầu tiên. *Kinh Thánh kể cho trẻ con, Tướng De Lattre de Tassigny, Hélène Boucher*, đây là vài trong số những tên sách mà tôi còn nhớ.

nếu giao du với những đứa con gái trường thế tục

nếu đi xem phim ở rạp ngoài các buổi chiếu của trường (*Jeanne d'Arc, Ông Vincent, Cha xứ ở Ars*). Trên cửa nhà thờ dán điểm đánh giá của Văn phòng Điện ảnh Công giáo, xếp các bộ phim theo mức độ nguy hiểm của chúng. Bất kỳ đứa con gái nào bị trông thấy ở lối ra một bộ phim "phải cấm ngặt" có thể bị đuổi học ngay lập tức.

Không thể nghĩ đến chuyện đọc các tiểu thuyết-ảnh và tới vũ hội công cộng tại sàn nhảy ở Poteaux, chỉ ừ Chủ nhật.

Nhưng không bao giờ có cảm giác về một lệnh áp chế. Sự o ép của luật được thực thi theo lối mềm mỏng, *thân tình*, chẳng hạn, nụ cười tán thành của "cô" mà ta tình cờ bắt gặp trên vỉa hè, và ta kính cẩn chào.

Trên các phố trung tâm, toàn thể phụ huynh học sinh cảnh giác - sớm hay muộn, toàn bộ cách ăn vận cùng những mối giao du của học sinh đều bị *thuật lại* - lưu giữ sự tuyệt hảo cho trường tư cùng chức năng chọn lọc của nó. Nói "con bé nhà tôi đi học trường nội trú" - chứ không chỉ "đi học" - cho phép khiến người ta cảm thấy toàn bộ sự khác biệt giữa trồn lộn tạp nham và thuộc về một môi trường duy nhất, đặc biệt, giữa chỉ quy phục bốn phận học hành và lựa chọn từ sớm một tham vọng xã hội.

Lẽ dĩ nhiên thỏa thuận chung là không có người giàu lẫn người nghèo ở trường nội trú, chỉ có một gia đình Công giáo lớn.

(Gắn vĩnh viễn từ *tư* vào sự thiếu thốn và nỗi sợ, sự đóng chặt. Ngay cả trong *cuộc sống riêng tư*. Viết là một đi đầu công cộng.)

Trong cái thế giới của tuyệt hảo đó, người ta công nhận tôi là tuyệt hảo và tôi tận dụng tự do cùng các đặc quyền mà vị trí đứng đầu trong trật tự nhà trường mang lại. Trả lời trước người khác, được chọn để giải bài, để đọc vì tôi biết nhấn nhá giọng, đảm bảo được không khí thoải mái chung ở lớp. Tôi không chăm cũng chẳng mấy chuyên cần, hấp tấp nộp bài, những thứ mà tôi luôn vội vã kết thúc trước cả khi bắt đầu. Ôn ào và lảm lòi, tôi có niềm hân hưởng được tỏ ra là đứa học sinh kém và bừa bãi dù không phải vậy, đồng thời tránh được việc bị bọn khác xa lánh vì được nhiều điểm tốt.

Năm học 1951-52, tôi học lớp năm - năm thứ hai cấp trung học tại trường công - ở lớp cô L., tiếng tăm về sự khủng khiếp của cô ấy được biết rõ từ trước khi theo học cô. Hồi lớp tám, xuyên qua vách lớp, chúng tôi thường trực nghe thấy tiếng cô la hét và đập thước kẻ xuống mặt bàn. Những lúc tan học vào buổi trưa và chiều, chắc hẳn do cái giọng uy lực của mình, cô được phân công làm người xướng danh ở cửa ra vào, hú lên tên bọn nhóc lớp võ lòng ngỗ trên các băng ghế sân chơi, nói rằng bố mẹ chúng đang đợi ngoài phố. Cô bé nhỏ - hồi đầu năm tôi đã cao hơn cô - người phẳng dẹt và chộn rộn, khó đoán tuổi, với búi tóc hoa râm, khuôn mặt tròn và cặp kính lão khiến cô có đôi mắt thật lớn. Giống mọi nữ tu sĩ vận thường phục, mùa đông cô khoác ra ngoài áo bờ lu chiếc áo choàng sọc lam và đen. Trong những giờ học không cần viết, cô bắt chúng tôi vắt chéo hai tay sau lưng, đầu và mắt thật thẳng. Cô không ngừng dọa sẽ cho chúng tôi phải xuống lớp dưới, giữ chúng tôi lại sau giờ học nếu chúng tôi không giải được bài. Chỉ những câu chuyện về Chúa, các nhân vật tuần

đạo cùng các vị thánh mới làm cho cô dịu đi được, tới mức chảy nước mắt. Phần còn lại, chính tả, lịch sử, làm tính, được dạy chẳng kèm chút tình yêu, đầy nghiêm nghị và vũ lực, phải được học trong đau đớn, nhằm đỗ kỳ thi của giáo xứ, được tòa tổng tổ chức, nó được tính cùng bài thi vào lớp sáu của trường công. Các phụ huynh e sợ cô và ca ngợi sự cứng rắn được thực thi trong sự công bằng hoàn hảo. Lũ học trò thì lấy làm kiêu nếu được nói rằng chúng học lớp của cô giáo dữ nhất trường, như một kỳ tuấn nhục chịu đựng không chút run rẩy. Điều này không ngăn cản chúng tôi sử dụng với cô tất cả những phương cách thông thường nhằm thoát khỏi uy quyền, giơ tay che miệng hoặc dựng nắp bàn lên để nói chuyện, viết chữ lên cục tẩy chuyển cho nhau, v.v. Trước những tiếng hét cùng các đòi hỏi của cô, cả lớp thỉnh thoảng đáp lại bằng một làn sóng trơ lì, khởi phát từ những đứa chậm hiểu nhất không theo kịp, rồi cuộc cuốn theo luôn cả những đứa luôn háng hái làm vừa lòng cô. Cô bèn òa khóc trên bàn giáo viên, không chịu dạy tiếp và lần lượt từng đứa chúng tôi phải xin lỗi cô.

Tôi có bao giờ yêu quý cô L. hay không là câu hỏi không được đặt ra. Tôi chẳng biết ai giỏi hơn cô trong số những người ở quanh tôi. Ấy không phải một phụ nữ giống các bà khách của mẹ tôi hay các bà dì bà cô của tôi, mà là khuôn mặt sống của phép tắc, có khả năng đảm bảo cho tôi từng bài học đã thuộc, từng lần không phạm lỗi nào, sự xuất sắc của con người học đường nơi tôi. Cô chính là đối tượng tôi đem mình ra so cùng, chứ không phải những đứa học sinh khác: đến cuối năm biết được toàn bộ những gì mà cô biết (gắn liền với lòng tin đã có từ lâu rằng giáo viên cũng không biết gì hơn ngoài những điều họ dạy chúng tôi - từ đó cũng có lòng kính trọng lớn lao, nỗi sợ, được khơi ngu ồn từ các giáo viên "những lớp lớn" và sự hạ cố dành cho những ai mà ta đã rời bỏ, tức là đã vượt qua). Những

khi cô cấm tôi trả lời để nhường thời gian cho những đứa khác kịp tìm ra hoặc giả những lúc cô bảo tôi giải thích một phân tích logic, cô để tôi ở bên cạnh. Tôi coi niềm hào hứng của cô trong việc truy tìm những thiếu sót trong học hành của tôi như một cách thức giúp tôi tiếp cận được sự hoàn hảo của chính cô. Một hôm cô trách tôi vì cách tôi viết các chữ "m", mà tôi cuộn nét số thứ nhất vào trong giống vòi voi, cười khẩy "*trông hư hỏng quá*". Tôi đã đỏ mặt không nói gì. Tôi biết cái ý mà cô muốn làm cho tôi hiểu, và cô biết tôi biết đi đâu đó: "Em vẽ chữ *m* như dương vật đàn ông."

Trong hè, tôi gửi cho cô một tấm bưu thiếp từ Lourdes.

(Trong lúc bày ra vũ trụ trường học của năm ấy, cảm giác xa lạ mà tôi có trước bức ảnh chụp con bé nhận ban thánh thể giảm đi. Khuôn mặt nghiêm túc, ánh mắt nhìn thẳng, hơi hé miệng cười, trông có vẻ cao ngạo hơn là buồn bã, mất vẻ mờ đục của chúng đi. "Văn bản" rọi sáng cho bức ảnh, thứ vốn dĩ cũng là minh họa cho nó. Tôi trông thấy con nhóc học sinh giỏi của trường nội trú, được phú cho quyền năng cùng những sự chắc chắn trong một vũ trụ đối với nó là sự thật, tiến bộ, sự hoàn hảo, mà nó không hình dung được rằng chính nó có thể không xứng đáng.)

(Tôi đã làm được việc là "nhìn thấy lại" lớp học từ chỗ tôi ngồi kể từ khoảng cuối tháng Mười hai: ở hàng đầu tiên bên trái - so với bàn của cô L. - một mình sau cái bàn hai chỗ đặt cạnh cái bàn khác giống hệt, bàn của Brigitte D. trần gồ dưới một lọn tóc đen lượn sóng. Hơi ngoái đầu, tôi nhìn lớp: những vùng sáng, nơi các bóng dáng vận những cái áo bờ lu khác nhau cử động nhưng không thể xác định rõ, các khuôn mặt mà hẳn tôi có thể nêu nhiều chi tiết, kiểu tóc, môi (nứt, của Françoise H., mềm, của Rolande C.), nước da (nhiều đốm tàn nhang của Denise R.) nhưng không tài nào mừng tượng được tổng thể. Tôi nghe thấy giọng nói của họ, vài

câu, thường rất kỳ quặc, nhờ đó họ đã in hằn lại đối với tôi: "Bạn có biết nói tiếng Java không?" Simone D. hỏi. Các vùng tối, nơi mọi xác định danh tính đều là không thể vì tôi đã để mất những cái tên.)

Đối với tôi, có một số cách xếp loại khác ngoài phân loại của số điểm, những thứ, khi sống trong một hội nhóm, được b ồi đắp theo dòng thời gian và được dịch ra thành "tôi thích", "tôi không thích" dựa con gái nào đó. Trước hết là sự phân tách giữa "khoe khoang" và "không khoe khoang", giữa "những đứa tự mãn", vì chúng được chọn để múa vào các ngày lễ, kỳ nghỉ thì đi biển - và bọn khác. Khoe khoang là một nét thuộc thể chất và cả xã hội, ở cả những đứa bé nhất và xinh nhất sống ở trung tâm thành phố, có bố mẹ là dân biểu hay thương gia. Trong phân hạng của những đứa không khoe khoang có lũ con gái nhà làm nông, học nội trú, hay bán trú đi xe đạp tới từ vùng nông thôn lân cận, lớn hơn, hay bị đúp lớp. Những gì chúng có thể khoe khoang, đất đai nhà chúng, máy kéo nhà chúng và đám người làm nhà chúng, chẳng hề tạo được hiệu ứng nào lên bất cứ ai, giống mọi thứ thuộc nông thôn. Mọi đi ều chui ra từ "quê" đều bị khinh miệt. Có câu chửi: "Mày nghĩ mày đang ở trang trại đấy à!"

Một cách xếp loại nữa, gây nhiều ám ảnh, cái cách mà, từ tháng Mười đến tháng Sáu, phân tôn ti theo lối hiển hiện các cơ thể cho tới khi ấy đều là trẻ con. Có những đứa bé, đùi thật mảnh bên dưới chân váy ngắn, với kẹp tóc và ruy băng trên đầu, và những đứa lớn ng ồi cuối lớp, thường nhiều tuổi hơn. Tôi rình mò bước tiến về thể chất và quần áo của chúng, áo chèn ngực ph ồng lên, đeo tất dài để đi chơi vào Chủ nhật. Tôi thử đoán có miếng băng vệ sinh nào bên trong váy hay không. Tôi tìm cách chơi cùng chúng nhằm học chuyện giới tính. Tại một thế giới nơi cả bố mẹ lẫn các cô giáo đều thậm chí không thể gọi lên thứ là tội lỗi chết người, nơi

cần phải thường trực ở trong thế rình mò những trò chuyện của người lớn để hớp lấy một mẫu bí mật, chỉ bọn lớn hơn mới có thể dùng làm người đưa lối được. Cơ thể chúng tự thân đã là một ngu ần hiểu biết câm lặng. Ai đã bảo tôi, "nếu cậu học nội trú, mình sẽ cho cậu xem trong khu phòng ngủ miếng băng vệ sinh dính đầy máu của mình".

Dáng dấp bé gái trên bức ảnh chụp ở Biarritz chỉ là trò lừa. Ở lớp của cô L., tôi thuộc vào số những đứa có vóc dáng cao lớn nhưng ngực tôi phẳng và chưa có dấu hiệu dậy thì nào. Năm ấy, tôi hết sức sốt ruột đợi mình có kinh. Trước một đứa con gái mà tôi trông thấy lần đầu tiên, tôi tự hỏi nó đã có kinh chưa. Tôi cảm thấy thấp kém vì còn chưa có. H ồi học lớp năm, bất bình đẳng của các cơ thể chắc hẳn là bất bình đẳng mà tôi nhạy cảm hơn cả.

Tôi tìm cách làm mình già đi. Nếu không có sự cấm đoán của mẹ tôi cùng sự lên án của trường tư, để đi dự lễ mi xa hẳn tôi đã đi tất dài cùng giày cao gót, thoa son môi lúc mười một tuổi rưỡi. Tôi chỉ được đi uốn xoắn để trông như thiếu nữ. Mùa xuân năm 1952, mẹ tôi lần đầu tiên cho tôi được mặc hai cái váy có li ẹp xuống bó chặt hông và giày có đế cao vài xăng ti mét. Bà không cho tôi thắt lưng đen, rộng bản, chun co giãn, thắt lại bằng hai cái móc kim loại rất tôn eo và mông mọi thiếu nữ cùng phụ nữ h ồi hè năm đó. Kỷ niệm về sự đố kỵ âm ỉ liên quan đến cái thắt lưng mà tôi không có suốt mùa hè ấy.

(Khi kiểm kê nhanh chóng năm 1952, bên cạnh các hình ảnh, tôi nhớ đến *Ma p'tite folie, Mexico*, cái thắt lưng chun màu đen, cái váy lụa kếp xanh có những bông hoa đỏ và vàng của mẹ, một túi đựng đồ chăm sóc móng tay bằng nhựa đen, như thế thời gian chỉ được tính bằng những thứ đồ vật. Các trang phục, những quảng cáo, các bài hát cùng bộ phim hiện ra

rồi biến mất trong vòng một năm, thậm chí chỉ một mùa, cụ thể, mang tới chút chắc chắn trong lịch đại các ham muốn và tình cảm. Cái thất lưng chun màu đen chắc chắn ghi dấu cơn thức tỉnh trước ham muốn lấy lòng đàn ông mà tôi không thấy có dấu vết trước đó và bài hát Đi Cuba thì là giấc mơ về tình yêu và đất nước xa xôi. Proust viết đại khái rằng ký ức nằm bên ngoài chúng ta, trong một hơi thở đầy mùi mưa của thời gian, mùi của ngọn lửa đầu tiên của mùa thu, v.v. Các vật của tự nhiên thì trấn an, do chúng quay về sự thường hằng của con người. Cho tôi - và có lẽ cho tất cả những người cùng thời với tôi - mà các kỷ niệm gắn vào một bài hát mùa hè thịnh hành, một cái thất lưng thời thượng, những thứ sẽ sớm phải biến mất, ký ức chẳng mang lại chứng cứ nào cho sự thường hằng hay danh tính của tôi. Nó khiến tôi cảm thấy và xác nhận sự phân đoạn cùng sử tính của mình.)

Bên trên lớp học, như một vũ trụ bất khả xâm nhập, có các "gái lớn" đúng nghĩa được gọi như vậy ở trường nhằm chỉ các học sinh từ lớp sáu lên đến lớp triết học. Bọn lớn nhất trong số các gái lớn đổi lớp giữa các giờ học và người ta thấy họ đi ngang qua trong những hành lang với cái cặp đựng đầy ắp đồ. Lớp của họ im lìm, họ không chơi, thảo luận với nhau theo những nhóm nhỏ, dựa lưng vào tường nhà nguyện hoặc dưới các gốc cây đoan. Tôi thấy dường như chúng tôi không ngừng quan sát họ còn họ không bao giờ nhìn chúng tôi. Họ là hình ảnh kéo chúng tôi lên phía cao của trường và của cuộc đời. Do cơ thể thiếu nữ của họ, nhất là các hiểu biết của họ, mà việc tuyên bố giải thưởng khiến người ta thoáng thấy, từ đại số cho tới tiếng La tinh, độ rộng cùng bí ẩn, tôi chắc chắn họ chỉ có thể khinh thường chúng tôi. Tôi vô cùng kinh hãi nếu phải bước vào một lớp

chín để đưa tờ giấy xưng tội. Tôi cảm thấy mọi ánh mắt đổ dồn vào cái sinh thể kỳ cục là đứa học sinh lớp năm, cả gan quấy rối tiến trình uy nghiêm của hiểu biết. Ra đến ngoài, tôi kinh ngạc thấy không có một tràng âm âm những tiếng cười cùng tiếng huýt sáo chào đón mình. Tôi không hề ngờ rằng, trong số các gái lớn, một số thấy khó theo kịp, bị đúp hay đúp hai lần lớp chín. Có biết như vậy đi nữa thì đi đâu đó cũng chẳng hề lay chuyển niềm tin chắc chắn của tôi về sự vượt trội của họ: ngay cả những người đó cũng biết nhiều hơn tôi.

Năm ấy, trước khi quay lại lớp vào buổi chiều, tôi tìm cách gặp một gái lớn lớp bảy, đưa mắt tìm cô ở giữa hàng. Cô nhỏ xíu, thân hình mảnh khảnh, mái tóc đen dài quá vai và xoắn che đi vùng trán cùng đôi tai, một khuôn mặt đầy đặn trắng như sữa, dịu dàng. Có lẽ tôi đã để ý đến cô vì cô mang đôi bốt cỡ ngắn da đỏ có phéc mơ tuya giống tôi, lúc đó một đang là giày đi tuyết bằng cao su đen. Cái giả định cô có thể để ý tới tôi và nói chuyện với tôi chưa bao giờ lướt qua tâm trí tôi. Tôi thấy sung sướng khi được ngắm nhìn cô, mái tóc cô, hai bắp chân cô, tròn lẳn và để trần, nghe ra những lời cô nói. Điêu duy nhất mà tôi muốn, đó là biết họ tên cô, phố nhà cô: Françoise Renout hoặc Renault, đường Le Havre.

Dường như tôi đã không chơi với ai tại trường tư. Tôi không đến chơi nhà cô bạn nào và không ai đến nhà tôi. Nhưng hồi ấy người ta không hay giao du bên ngoài trường, chỉ trừ nếu đi cùng tuyến đường. Chỉ có các tình bạn đi chung đường. Tôi đi chung một đoạn đường cùng Monique B., con gái một nhà làm nông ở vùng lân cận, sáng ra cô để xe đạp ở nhà một bà dì đã già - buổi trưa cô ăn cùng bà - và tối đến lấy lại. Cũng cao và chậm phát triển giống tôi, cô có cặp má bầu và đôi môi dày, ở viên môi thường vương các vết đỏ ăn. Cô học trong nỗi nơm nớp lo làm sao đạt được kết

quả trung bình. Những khi tôi ghé qua đón cô vào lúc một giờ ở nhà bà dì, chúng tôi kể mình vừa ăn gì trước tiên.

Vì là người duy nhất trong nhà và cả khu xung quanh đi học trường tư, ngoài lớp học tôi không có tình thân thiết học đường với bất kỳ ai.

(Kỷ niệm về một trò chơi vào các buổi sáng được nghỉ học, khi tôi nằm nán lại trên giường cho đến trưa. Mặt đằng sau, trắng trơn, của các bưu thiếp cũ mà một bà già đã cho tôi cả gói lớn, tôi viết họ tên một cô gái. Không có địa chỉ, chỉ đọc tên một thành phố vốn dĩ là thành phố được in trên bưu thiếp. Không viết gì vào phần thư tín. Những cái tên tôi lấy từ tạp chí *Lisette*, *Tiếng vọng nhỏ của thời trang*, *Những tôi hàn huyền trong lều tranh* và tôi tự áp đặt bắt mình phải sử dụng chúng theo đúng trật tự xuất hiện trên báo. Tôi gạch những cái tên cũ đi để thêm vào những cái tên mới và tiếp tục trò chơi. Một khoái cảm không điếm kết (cái gì đó thuộc ham muốn tình dục) khi bịa ra hàng chục người nhận. Đôi khi, rất hiếm, tôi tự gửi cho mình một tấm thiệp, cả nó cũng trống trơn.)

Về tôi người ta nói, *trường học là tất cả đối với con bé*.

Mẹ tôi là trạm trung chuyển của phép tắc tôn giáo và các quy định của ngôi trường ấy. Bà đi dự lễ mi xa nhiều lần trong tuần, đi lễ tối vào mùa đông, lễ chào, nghe giảng đạo mùa Chay, đi dự con đường thánh giá thứ Sáu thánh. Từ khi bà còn trẻ, những cuộc rước và các hoạt động hội lễ tôn giáo khác đối với bà là dịp trung thực để ra ngoài và ăn diện cùng những người đáng thân tín. Bà đưa tôi hòa nhập vào đó rất sớm (kỷ niệm về một cuộc đi bộ dài để tìm bức tượng Đức Bà Boulogne trên đường Le Havre) và khiến tôi nảy ra ham muốn về một chuyến rước hoặc tới thăm nhà thờ Đức Bà Hàng Cứu Giúp như là ham muốn một cuộc dạo chơi trong rừng. Những lúc không có khách, vào buổi chiều, bà lên phòng quỳ gối dưới

chân giường, trước cây thánh giá treo phía trên. Trong phòng ngủ chung của tôi với bố mẹ có lồng khung một bức ảnh lớn chụp nữ Thánh Thérèse thành Lisieux, một bức chép lại Thánh Nhan và một tranh khắc Thánh Tâm, trên bệ lò sưởi là hai bức tượng Đức Mẹ, một bằng thạch cao, bức còn lại phủ một lớp sơn đặc biệt màu cam làm cho nó sáng bừng lên trong đêm. Tối đến, từ giường này sang giường kia, mẹ và tôi thay nhau đọc cùng những lời cầu nguyện giống buổi sáng ở trường. Chúng tôi không bao giờ ăn thịt, bít tết hay thịt nguội, vào thứ Sáu. Chuyển hành hương một ngày đến Lisieux bằng xe ca - lễ mi xa và ban thánh thể tại tu viện, thăm nhà thờ lớn và Buissonnets, căn nhà nơi nữ thánh sinh ra - là chuyến đi lớn và duy nhất của mùa hè, cùng nhau.

Mẹ tôi đã một mình đi Lourdes với đoàn hành hương giáo xứ, khi vừa hết chiến tranh, nhằm cảm tạ Đức Mẹ Đồng Trinh vì đã bảo vệ chúng tôi khỏi các cuộc oanh tạc.

Đối với mẹ tôi, tôn giáo thuộc vào tất tần tật những gì cao quý, hiểu biết, văn hóa, giáo dục tốt. Sự vươn lên, nếu thiếu dạy dỗ, khởi đầu bằng việc năng đến lễ mi xa, nghe giảng đạo, đó là cách thức để mở mang đầu óc. Vậy nên bà nhích khỏi những giáo huấn cùng mưu đồ của trường tư, chẳng hạn vi phạm các cấm đoán của nó trong việc đọc (bà mua và đọc lượng lớn tiểu thuyết cùng báo, rồi đưa cho tôi), từ chối các mệnh lệnh phải hy sinh và quy thuận của trường, vốn dĩ có hại cho thành công. Bà nghi ngờ việc thành lập hội bảo trợ và Croisées, bởi dạy dỗ tôn giáo quá mức thì giẫm chân lên làm tính và chính tả. Tôn giáo vẫn phải hỗ trợ cho dạy dỗ, chứ không thay thế được nó. Hẳn bà sẽ không hề sung sướng nếu tôi trở thành tu sĩ, làm lụn bại những hy vọng của bà.

Sự cải đạo của thế giới không khiến bà quan tâm hoặc bà thấy nó không thích hợp ở một phụ nữ buôn bán - cũng chỉ là một nhận xét tươi cười về phía những đứa con gái trong khu phố không còn đi lễ mi xa nữa. Tôn giáo của mẹ tôi, được khuôn dạng bởi lịch sử làm công nhân nhà máy của bà, nhào nặn theo nhân cách dữ dội và nhiều tham vọng của bà, theo nghề của bà, là:

một thực hành có tính cá nhân chủ nghĩa, một phương cách nhằm giữ hết các chủ bài về phía mình nhằm đảm bảo cuộc sống vật chất

một dấu hiệu lựa chọn phân biệt bà với phần còn lại của gia đình và với phần lớn khách hàng nữ của khu phố

một đòi hỏi về xã hội, cho đám nữ nhân tư sản khinh khỉnh ở trung tâm thành phố thấy một cựu nữ công nhân, nhờ lòng mộ đạo của mình - cùng sự hào phóng tại nhà thờ - đáng giá hơn bọn họ

khuôn khổ của một ham muốn được phổ thông hóa về sự hoàn hảo, tự hoàn thiện bản thân, mà tương lai của tôi có dự phần.

(Tôi thấy dường như không thể nào vét cho hết được ý nghĩa và vai trò của tôn giáo trong cuộc đời mẹ tôi. Đối với tôi, hồi 1952, mẹ tôi là tôn giáo. Bà sửa lại phép tắc của trường tư theo hướng thắt chặt thêm. Một trong những giáo huấn mà bà nhắc đi nhắc lại nhiều hơn cả: *học theo gương* (về sự lịch thiệp hay tử tế, chăm chỉ, của người phụ nữ này hay người phụ nữ nọ) nhưng *không bắt chước* (các tật xấu của một phụ nữ khác). Nhất là, *con hãy tỏ ra là một tấm gương* (về sự lịch thiệp, công việc, cách ăn vận chỉnh chu, v.v.). Và *người ta sẽ nghĩ gì về con?*)

Các tờ báo cùng những quyển tiểu thuyết bà đưa tôi đọc, cộng thêm *Tử*

sách xanh⁽¹⁴⁾, không đi ngược lại các giáo huấn của trường tư. Tất cả chúng đều tuân theo điều kiện mà thiếu nó thì không được phép đọc, ai cũng có thể đọc được: *Những tôi hàn huyên trong lều tranh, Tiếng vọng nhỏ của thời trang*, các tiểu thuyết của Delly và của Max du Veuzit. Trên bìa một số quyển sách có nhãn *Sách được nhận giải thưởng của Viện Hàn lâm Pháp*, chứng nhận chúng phù hợp với những đòi hỏi của luân lý cũng ngang bằng nếu chẳng phải là còn hơn so với lợi ích văn chương của chúng. Trong cái năm tôi mười hai tuổi, tôi đã sở hữu những tập đầu tiên trong bộ sưu tập *Brigitte* của Berthe Bernage, gồm khoảng mười lăm cuốn. Chúng thuật lại dưới hình thức nhật ký cuộc sống của Brigitte, vị hôn thê, người vợ, người mẹ rồi người bà. Đến cuối tuổi thiếu niên, tôi sẽ có đủ bộ. Tác giả viết trong lời tựa cho *Brigitte thiếu nữ*:

Brigitte do dự và hay nhàm lẫn nhưng cô luôn về lại được đúng đường (...) vì câu chuyện muốn được là thật. Ấy vậy mà, một tâm hồn có nòi giống tốt, một tâm hồn tinh tế, được củng cố bởi nhiều tấm gương đẹp, các lời dạy thông thái, di truyền lành mạnh - và bởi kỷ luật Ki tô -, tâm hồn đó có thể chịu cám dỗ "làm giống những người khác" và hy sinh nghĩa vụ cho khoái lạc, tâm hồn đó rồi cuộc sẽ chọn cái nghĩa vụ đầu cho phải trả giá ra sao (...) người phụ nữ Pháp đích thực vẫn và luôn luôn là một người phụ nữ yêu tổ ấm của mình, đất nước mình. Và cô ấy cầu nguyện.

Brigitte hiện thực hóa một hình mẫu thiếu nữ đúng nghĩa, khiêm nhường, khinh bỉ của cải vật chất, trong một thế giới nơi người ta có một phòng khách, một cây đàn piano, nơi người ta đi đánh tennis, xem các triển lãm, uống trà, đi chơi ở rừng Boulogne. Nơi các phụ huynh chẳng bao giờ cãi

nhau. Cuốn sách dạy ta sự tuyệt vời của lối sống tư sản⁽¹⁵⁾, cùng lúc là sự tuyệt vời của những quy tắc luân lý Ki tô.

(Dạng câu chuyện này đối với tôi thực hơn so với những cuốn sách của Dickens vì chúng vạch ra các đường hướng của một số phận khả thi, yêu đương-kết hôn-sinh con. Cái thực hỏi đó là khả di chăng?

Vào thời điểm tôi hay đọc *Brigitte thiếu nữ* và *Nô lệ hay nữ hoàng* của Delly, tôi sắp xem *Không ngu đến thế* có Bourvil đóng, thì *Thánh Genet* của Sartre, *Kính cầu cho những người vô tội* của Calaferte xuất hiện ở hiệu sách, *Những cái ghế* của Ionesco ở nhà hát. Hai chuỗi bị phân tách vĩnh viễn đối với tôi.)

Bố tôi chỉ đọc mỗi tờ nhật báo vùng và tôn giáo không hề có chỗ trong những lời ông nói, chỉ trừ dưới hình thức các nhận xét điền tiết hướng đến mẹ tôi "bà thì lúc nào cũng dính chặt vào nhà thờ", "bà có thể kể chuyện gì với ông cha xứ thế", hoặc những lời đùa cợt về sự độc thân của các linh mục, mà không bao giờ bà đáp lại, như thể đây là những lời rồ dại không xứng để tâm. Ông dự nửa chừng lễ mi xa ngày Chủ nhật, đứng ở cuối nhà thờ để vọt ra cho nhanh và ông cứ lùi cho mãi tới Chủ nhật Quasimodo⁽¹⁶⁾ - giới hạn cuối cùng trước khi phạm tội lỗi chết người - thời điểm "làm Phục Sinh" (xưng tội và nhận thánh thể), như một thứ cỏ vè. Mẹ tôi chẳng đòi hỏi gì khác ngoài sự tối thiểu nhỏ nhoi đó nhằm đảm bảo ông được cứu rỗi. Tối đến, ông không tham gia cầu nguyện, làm ra vẻ đã lăn ra ngủ. Không hề có dấu hiệu của một tôn giáo đúng nghĩa, tức là của ham muốn vượt lên, bố tôi không theo luật.

Nhưng vì với mẹ tôi, trường tư là quy chiếu tối cao của bà: "Ở trường nội trú, người ta sẽ nói gì đây nếu thấy đi đâu con đang làm, xem con đang nói năng như thế nào, v.v."

Và: con không được để người ta nhìn nhận không ra gì ở trường.

Tôi đã bày ra ánh sáng các phép tắc cùng luật lệ mà tôi bị nhốt kín vào. Tôi đã điếm lại các ngôn ngữ từng xuyên qua tôi và tạo nên tri giác của tôi về chính mình và về thế giới. Chẳng ở đâu có chỗ cho cái cảnh hôm Chủ nhật tháng Sáu.

Điều này không được nói với ai, ở bất cứ thế giới nào trong hai thế giới vốn dĩ là của tôi.

Chúng tôi đã ngừng thuộc về hạng mục những con người chửi chửi, những người không rượt chèn, không đánh nhau, ăn mặc tinh tươm để vào thành phố. Tôi có thể có một cái áo bờ lu mới vào mỗi dịp khai giảng, một quyển sách kinh đẹp, đứng đầu khắp nơi và đọc những lời cầu nguyện, có vậy thì tôi vẫn không còn giống đám con gái trong lớp nữa. Tôi đã thấy điều không được phép thấy. Tôi biết những gì, trong sự ngây thơ về mặt xã hội của trường tư, lẽ ra tôi đã không được biết và nó định vị tôi, theo lối khó tả, vào phe của những kẻ mà bạo lực, thói nghiện rượu hay đầu óc phập phù nuôi dưỡng các câu chuyện được kết luận bằng "dẫu sao thì cũng thật bất hạnh khi phải thấy điều đó".

Tôi đã trở nên không xứng với trường tư, với sự tuyệt vời và sự hoàn hảo của nó. Tôi đã bước vào nỗi nhục.

Điều tồi tệ hơn cả trong nỗi nhục, ấy là người ta tưởng đâu chỉ có mình mình cảm thấy nó.

Tôi đã qua kỳ sát hạch của giáo xứ trong ngây độn và chỉ giành được điếm "khá", trước nỗi kinh ngạc và sự thất vọng của cô L. Đó là thứ Tư tiếp

theo, 18 tháng Sáu.

Chủ nhật sau đó, 22 tháng Sáu, giống năm trước, tôi tham gia lễ Tuổi trẻ của các trường Ki tô, ở Rouen. Xe ca đưa lũ học sinh về muộn trong đêm. Cô L. phụ trách đưa bọn con gái thuộc phân khu bao gồm chỗ tôi về nhà. Lúc đó là khoảng một giờ sáng. Tôi đập vào cửa trập của hàng thực phẩm khô. Mất một lúc lâu, trong cửa hàng điện mới bật lên, mẹ tôi xuất hiện trong ánh sáng ở cửa, bù xù, cảm lạnh vì cơn bu ồn ngủ, trong một cái sơ mi mặc đêm nhàu nhĩ và bị dây bản (người ta dùng nó để chùi luôn, sau khi đi tiêu). Cô L. và lũ học sinh, dăm ba đứa, ngừng nói. Mẹ tôi áp úng một câu chào mà không ai đáp lại. Tôi chui tọt ngay vào hàng thực phẩm khô để ngừng cảnh ấy lại. Tôi vừa nhìn mẹ tôi, lần đầu tiên, bằng ánh mắt của trường tư. Trong ký ức của tôi, cảnh đó, vốn dĩ chẳng có chút gì chung với cảnh bố tôi định giết mẹ tôi, lại dường như là phần kéo dài của nó. Như thể thông qua việc phô bày cơ thể không áo nịt, được thả lỏng, cùng cái áo sơ mi đáng ngờ của mẹ tôi, bản chất thực cùng cách sống của chúng tôi bị phơi lộ.

(Lẽ dĩ nhiên, tôi đã không nảy ra ý nghĩ rằng nếu mẹ tôi có một cái váy ngủ, nếu bà khoác ra ngoài chiếc sơ mi, thì lũ con gái và cô giáo ở trường tư hẳn đã không đờ cả người ra và tôi sẽ chẳng có kỷ niệm nào về tối đó. Nhưng váy ngủ hay áo choàng trong môi trường của chúng tôi được coi là những phụ kiện thuộc về sự xa xỉ, kỳ khôi, thậm chí nực cười đối với các phụ nữ ngay lúc ngủ dậy là mặc quần áo luôn để làm việc. Trong hệ thống suy nghĩ từng là của tôi, nơi váy ngủ không tồn tại, không thể nào thoát được khỏi nỗi nhục.)

Tôi thấy dường như mọi điều tiếp theo sau trong mùa hè đều xác nhận cho

khía cạnh thiếu phẩm cách của chúng tôi: "có mỗi chúng tôi" như vậy.

Bà tôi mất vì chứng nghẽn mạch vào đầu tháng Bảy. Điêu này không gây tác động nào lên tôi. Khoảng chục hôm sau, một vụ cãi cọ dữ dội bùng nổ ở khu phố Sợi giữa một người anh họ của tôi, mới lấy vợ, và bà dì của anh, em gái của mẹ tôi, sống tại ngôi nhà của bà tôi. Ngoài phố, dưới ánh mắt của hàng xóm cùng những khách lệ của bác Joseph, bố của anh, ngồi trên sườn dốc, anh họ tôi đã đánh dì tôi tàn tệ. Bà nằm trong hàng thực phẩm, mình mẩy máu me và đầy vết thâm tím. Mẹ tôi đưa bà tới đồn cảnh sát và chỗ bác sĩ. (Vụ việc sẽ bị đưa ra tòa xử vài tháng sau.)

Tôi dính cúm kèm ho suốt cả tháng. Đến một lúc, tai phải tôi đột nhiên bị bít kín. Người ta không có thói quen mời bác sĩ vì chứng cúm vào mùa hè. Tôi không còn nghe được giọng của chính mình nữa và giọng những người khác đến với tôi xuyên qua một lớp sương mù. Tôi tránh nói. Tôi tưởng đâu mình bị kết án sẽ phải sống như thế mãi.

Vẫn là tháng Bảy, quanh các sự việc trên phố Sợi. Sau khi đóng cửa quán cà phê, một tối nọ, bên bàn, nhiều lần tôi phàn nàn rằng gọng kính của tôi xiên xẹo quá. Trong lúc tôi chỉnh lại, mẹ tôi tóm lấy và dùng hết sức ném xuống sàn bếp, vừa ném vừa hét. Hai mắt kính vỡ tan tành. Tôi không tài nào nhớ được gì khác ngoài tiếng ồn rộ lên, tiếng những lời trách móc vỡ vào nhau đôm đốp cùng những nước nỡ của tôi. Cũng như cảm giác về một thảm họa hẳn phải đi tiếp con đường của nó, một cái gì đó như là "giờ chúng tôi thực sự phát điên rồ".

Có đi điêu này trong nỗi nhục: cảm giác rằng giờ đây mọi thứ đều có thể xảy tới với ta, rằng sẽ chẳng bao giờ có điểm dừng, rằng đã là nhục thì thế nào cũng sẽ chỉ thêm nhục.

Một thời gian sau khi bà tôi qua đời và dì tôi bị đánh, tôi cùng mẹ đi

Étretat bằng xe ca, vào ngày hè ở bờ biển quen thuộc. Bà lên đường và quay về trong trang phục để tang, khi ra bãi biển mới thay cái váy màu xanh có nhiều hoa đỏ và vàng, "để tránh lời đàm tiếu của dân ở Y.". Một bức ảnh mà bà chụp tôi, đã mất hoặc bị cố ý xé đi từ cách đây chừng hai mươi năm, cho thấy tôi lội xuống nước ngập đến đầu gối, với hậu cảnh là Aiguille và vòm đá Porte d'Aval. Tôi đứng thẳng, hai cánh tay ép sát vào người, cố thót bụng lại và vươn bộ ngực vốn dĩ chẳng có gì ra, bị bó giò trong một bộ đồ bơi bằng len đan.

Trong mùa đông, mẹ tôi đăng ký cho chúng tôi, bố tôi và tôi, đi một chuyến theo tua ở chỗ công ty xe ca thành phố. Lộ trình dự kiến là đi về phía Lourdes, dừng thăm các điểm du lịch, Rocamadour, vực Padirac, v.v., ở lại đó ba, bốn hôm rồi quay ngược về Normandie theo lối khác so với khi đi, Biarritz, Bordeaux, các lâu đài sông Loire. Đã tới lượt bố tôi và tôi đi Lourdes. Buổi sáng ngày khởi hành, nửa sau của tháng Tám - trời hửng còn tối -, chúng tôi đợi rất lâu trên vỉa hè phố République cái xe ca từ một thành phố nhỏ ven biển tới, nơi nó phải đón những người tham gia chuyến đi. Chúng tôi đi cả ngày, buổi sáng dừng lại ở một quán cà phê, tại Dreux, buổi trưa thì ở một quán ăn nơi rìa Loiret, ở Olivet. Trời cứ thế đổ mưa không ngớt và tôi không còn thấy được phong cảnh xuyên qua cửa kính xe nữa. Tôi đã tự làm xước ngón tay vì muốn bẻ đôi miếng đường cho một con chó ăn, tại quán cà phê ở Dreux, và nó bắt đầu sưng tấy. Càng đi xuôi thêm về phía nam, tôi càng cảm thấy lạ lẫm. Tôi thấy dường như mình sẽ không còn gặp lại mẹ nữa. Ngoài một ông chuyên làm bánh bít cốt cùng vợ, chúng tôi không quen ai. Trong đêm chúng tôi đến Limoges, ở khách sạn Hiện đại. Bữa tối, chỉ có chúng tôi ngồi ở một cái bàn, nằm chính giữa

phòng ăn. Chúng tôi không dám nói gì do có người phục vụ. Chúng tôi bị át vía, trong một nỗi e sợ mơ hồ trước mọi thứ.

Ngay hôm đầu tiên, mọi người đã chiếm lấy chỗ cho mình rồi cứ giữ nguyên như thế cho tới tận hết chuyến đi (thành thử tôi dễ nhớ được họ). Ở hàng đầu tiên bên phải, phía trước chúng tôi, có hai cô gái trẻ con một gia đình buôn trang sức ở Y. Phía sau chúng tôi, một bà góa, chủ đất, cùng con gái bà, mười ba tuổi, học sinh nội trú tại một trường dòng ở Rouen. Hàng tiếp theo, một bà nhân viên bưu điện về hưu, góa chồng, cũng ở Rouen. Xa hơn, một cô giáo bên hệ thế tục, độc thân, béo phì, vận mạng tô màu hạt dẻ và đi dép xăng đan dây mỏng. Hàng đầu bên trái, ông làm bánh bít cốt và vợ, rồi một cặp vợ chồng kinh doanh các loại vải mới, từ thành phố nhỏ ven bờ biển, các phụ nữ trẻ cùng hai tài xế xe ca, ba cặp vợ chồng làm nông. Đây là lần đầu tiên chúng tôi phải giao du ở khoảng cách gần, trong suốt mười hôm, với những người xa lạ, tất cả, trừ mấy tài xế xe ca, đầu khá hơn chúng tôi.

Những ngày sau, tôi bắt cảm thấy đau khổ vì phải ở xa nhà. Tôi bắt đầu sung sướng được khám phá núi non và cái nóng bức không sao chịu nổi tại Normandie, ăn trưa và tối tại quán, ngủ khách sạn. Được rửa ráy trong lavabo, có nước nóng và nước lạnh, đối với tôi là cả một sự xa xỉ. Tôi thấy - tôi sẽ còn vậy mãi chừng nào còn sống ở nhà bố mẹ tôi và, có lẽ, ấy là tiêu chí của sự thuộc về thế giới dưới thấp - rằng "ở khách sạn thích hơn ở nhà". Tại mỗi chặng, tôi lại hau háu đợi xem phòng mới. Tôi sẵn sàng ở lì đó hàng tiếng đồng hồ, chẳng làm gì, chỉ ở đó.

Bố tôi tiếp tục thể hiện sự nghi ngại đối với mọi đi đâu. Suốt hành trình, ông nhìn đường, thường rất dốc, và tỏ ra chăm chú vào việc lái xe của tài xế hơn là tới phong cảnh. Giường ngủ thay đổi liên tục khiến ông bất an.

Đồ ăn đối với ông hết sức quan trọng và ông tỏ ra cẩn thận trước mọi thứ người ta dọn ra đĩa cho chúng tôi, những món mà chúng tôi không biết, nghiêm khắc đánh giá chất lượng các sản phẩm thông thường, như bánh mì và khoai tây, mà ông trồng trong vườn nhà. Những lúc thăm các nhà thờ cùng lâu đài, ông rút lại đằng sau, có vẻ đang phải làm một công việc lao dịch nhằm làm tôi vui lòng. Ông không ở trong môi trường của mình, tức là trong một hoạt động và ở cùng những người hợp với các sở thích cùng thói quen của ông.

Ông bắt đầu cảm thấy hài lòng khi thân thiện được với bà nhân viên bưu điện hưu trí cũng như ông làm bánh bít cốt và ông buôn bán vải mới, hay chuyện hơn các thành viên khác của nhóm do đòi hỏi nghề nghiệp và có những mối quan tâm giống ông, các loại thuế má, v.v., vượt qua được những khác biệt hiển hiện - bàn tay của mấy người họ đều trắng hơn. Tất cả đều nhiều tuổi hơn bố tôi, cũng như ông, họ không đến để tự chuốc khổ vào người mà đi bộ dưới nắng. Vậy nên họ nán lại rất lâu bên bàn. Các câu chuyện nói về sự khô hạn của những vùng đất đi ngang qua, số tháng không mưa, âm sắc của miền Nam, mọi đi đâu khác với chỗ chúng tôi, và về vụ án mạng ở Lurs⁽¹⁷⁾.

Tôi đã tưởng việc tìm chốn bầu bạn ở cô bé mười ba tuổi, Élizabeth, là tự nhiên, bởi chúng tôi chỉ cách nhau một tuổi và cô cũng đi học ở một trường dòng, dẫu cô đã lên lớp bảy. Chúng tôi cao bằng nhau nhưng áo nịt ngực của cô phồng lên và đã có dáng vẻ thiếu nữ. Hôm đầu tiên, tôi sung sướng nhận thấy chúng tôi đều mặc chân váy thủy thủ xếp li cùng áo vét, áo cô đỏ còn áo của tôi thì cam. Cô không đáp lại các săn đón của tôi, chỉ mỉm cười những khi tôi bắt chuyện, cùng cách thức với mẹ cô, cái miệng mở ra để lộ nhiều răng vàng và không bao giờ cất lời nói gì với bố tôi.

Một hôm, tôi mặc chân váy cùng áo sơ mi trong bộ đồ thể dục, trang phục cần phải dùng khi lễ Tuổi trẻ đã qua. Cô hỏi: "Cậu đã dự lễ Tuổi trẻ đấy à?" Tôi kiêu hãnh đáp là đúng thế, coi câu hỏi của cô, đi kèm nụ cười niềm nở, là dấu hiệu cho mối thân tình giữa chúng tôi. Sau đó, do âm điệu khác thường, tôi cảm thấy câu ấy muốn nói, "cậu chẳng có gì khác để mặc cho nên mới dùng đồ thể dục".

Một lần, tôi nghe lỏm được câu sau đây, của một phụ nữ trong nhóm, "lớn lên là đẹp gái lắm đấy". Sau đó tôi hiểu rằng bà ta không nói đến tôi, mà là Elizabeth.

Không có chuyện nói chuyện với hai cô con gái nhà bán trang sức. Tôi vẫn chưa là gì, giữa các cơ thể phụ nữ của chuyến đi, mà chỉ là một đứa bé đang trong thời kỳ phát triển, cao, phẳng và khỏe mạnh.

Tới Lourdes, tôi mắc phải một chứng kỳ lạ. Tôi nom thấy các ngôi nhà, những ngọn núi, toàn bộ phong cảnh, cứ trôi đi. Những lúc tôi ngẩng lên nhìn bàn ở quán ăn của khách sạn, trước mặt tôi bức tường ngoài phố cứ "lướt qua" không ngừng. Chỉ những chỗ khép kín thì mới không nhúc nhích. Tôi không nói gì với bố, tôi nghĩ đấy là bệnh điên và mình sẽ mãi vậy. Sáng nào, lúc ngủ dậy, tôi cũng tự hỏi rốt cuộc phong cảnh đã dừng lại chưa. Dường như đến Biarritz thì tôi bình thường trở lại.

Bố tôi và tôi trả nợ xong những bài tập về lòng súng đạo mà mẹ tôi đã dự tính trước. Cuộc rước đuốc, lễ mi xa lớn ngoài trời, đứng dưới nắng - thiếu đi đâu tôi đã ngất xỉu và một phụ nữ cho tôi mượn ghế gấp -, cầu nguyện trong cái hang màu nhiệm. Tôi không thể nói mình có thấy những địa điểm kia là đẹp không, những chốn mà trường học cùng mẹ tôi nhắc đến đây hứng khởi. Tôi không có cảm xúc nào khi ở đó. Kỷ niệm về một

nổi buồn chán mơ hồ, một buổi sáng xám xịt dọc theo sông Gave.

Đi cùng nhóm, chúng tôi thăm pháo đài, các hang Bétharram và một bản phục dựng phong cảnh thời Bernadette Soubirous trên một tấm toan rất lớn tại một chỗ giống như rạp xiếc, Panorama. Chỉ có chúng tôi, cùng bà nhân viên bưu điện về hưu, không đến rạp xiếc Gavarnie hay cầu Tây Ban Nha. Những chuyến đi chơi ấy không được bao gồm trong số tiền đã trả và chắc hẳn bố tôi không mang theo đủ tiền. (Tại hàng hiên một quán cà phê, ở Biarritz, ông hoảng sợ lúc người ta thông báo giá những ly cognac mà ông vừa uống cùng hai thương gia khác.)

Chúng tôi không có hình dung thực nào về chuyến đi đó. Có nhiều thói quen chúng tôi không biết.

Hai cô thiếu nữ con nhà buôn bán trang sức có một quyển sách hướng dẫn du lịch mà họ cầm trên tay trong lúc xuống khỏi xe ca để thăm một công trình. Họ rút từ cái túi đi biển của mình ra sô cô la cùng bánh ngọt khô. Ngoài một chai rượu bạc hà cùng những viên đường, phòng trường hợp bị mệt, chúng tôi không mang theo gì để ăn, vì nghĩ sẽ chẳng cần.

Tôi có một đôi giày, màu trắng, mua cho lễ ban thánh thể lần thứ hai, nó bị lấm bẩn rất chóng. Mẹ tôi không đưa cho tôi cái gì để làm sạch nó. Chúng tôi không hề nảy ra ý tưởng mua lấy một thứ, như thể đi đâu đó là không thể tại một thành phố xa lạ, nơi sẽ cần phải đi tìm một cửa hàng. Một tối nọ, ở Lourdes, thấy những đôi giày xếp trước cửa các phòng, tôi đã để giày của tôi lại. Hôm sau tôi thấy chúng vẫn bẩn như hôm trước và bố tôi chế giễu tôi: "Bố đã bảo con rồi mà. Phải trả tiền cho việc đó." Đó không phải một đi đâu có thể mừng tượng, đối với chúng tôi.

Chúng tôi chỉ mua mề đay, bưu thiệp để gửi về cho mẹ tôi, gia đình, người quen. Không tờ báo nào, ngoài một tờ Le Canard enchaîné vào một

hôm nọ. Nhật báo của những vùng chúng tôi băng ngang không có tin tức về vùng của chúng tôi.

Tại Biarritz, tôi không có cả áo tắm lẫn quần áo. Chúng tôi bước đi trên bãi biển trong trang phục thường ngày cùng giày, giữa các cơ thể mặc bikini, rám nắng.

Vẫn Biarritz, ở hàng hiên một quán cà phê lớn, bố tôi thao thao một câu chuyện có chút bậy bạ về một ông cha xứ mà tôi từng nghe ông kể lúc ở nhà. Những người khác cố rặn cười.

Ba hình ảnh, trên đường trở về

Ở chỗ dừng trên một cao nguyên đất nâu đỏ cùng cỏ hung, có lẽ tại Auvergne, tôi vừa đại tiện ở chỗ cách xa đoàn, tụ tập tại một quán rượu. Ý nghĩ, lúc đó, rằng tôi đã để một cái gì đó của mình ở một nơi có lẽ chẳng bao giờ còn quay lại nữa. Chỉ ít thời gian nữa thôi, hôm sau, tôi đã ở xa rồi, tôi sẽ lại đi học ở trường trong suốt nhiều ngày, sẽ có, cho đến tận mùa đông, cái thứ kia của tôi bị bỏ lại trên cao nguyên hoang vắng ấy.

Ở cầu thang của lâu đài Blois. Bố tôi, bị nhiễm lạnh, cứ ho mãi không ngừng nổi. Chỉ nghe thấy mỗi tiếng ho của ông, nó vang âm dưới các vòm cao, lấp đi lời của người hướng dẫn. Ông dừng lại để cho cả đoàn đi lên trước, lên tận trên đỉnh cầu thang. Tôi ngoái đầu lại và chờ ông, có lẽ là đầy miễn cưỡng.

Một tối nọ, tối cuối cùng của chuyến đi, tại Tours, chúng tôi ăn tối ở một quán ăn treo đầy gương, được chiếu đèn rất sáng, khách khứa thì toàn những người thanh lịch. Bố tôi và tôi ngồi ở đầu cái bàn chung của đoàn. Các nhân viên phục vụ bỏ bê cái bàn ấy, chúng tôi phải đợi rất lâu giữa các món. Ở một bàn nhỏ gần chúng tôi, có một đứa con gái mười bốn, mười lăm tuổi, mặc váy xẻ ngực thật sâu, da rám nắng, cùng một người đàn ông

khá già, trông như là bố cô ta. Họ nói chuyện và cười rộ, hết sức thoải mái và tự do, chẳng hề để tâm đến những người khác. Cô ta nhấm nháp một dạng sữa quánh trong một hũ thủy tinh - vài năm sau, tôi biết được đó là sữa chua, khi ấy vẫn còn chưa được biết đến ở chỗ chúng tôi. Tôi nhìn mình trong tấm gương trước mặt, nhợt nhạt, vẻ đáng buồn với cặp kính, im lìm ngẩn bên cạnh bố tôi, ông thì nhìn mông lung. Tôi thấy toàn bộ những gì phân tách tôi khỏi cô bé kia nhưng không biết mình có thể làm gì để giống cô ta.

Sau đó bố tôi phàn nàn với sự mãnh liệt ít thấy về quán ăn đó, nơi người ta phục vụ chúng tôi món nghi nhàn làm bằng "thứ khoai tây cho lợn", trắng nhón và bọt vị. Nhiều tuần sau, ông còn biểu lộ vẻ cộc cằn sâu sắc đối với bữa tối ấy, với thứ "khoai cho lợn". Cách thức để nói mà không nói - có lẽ chính ở đây tôi bắt đầu học được cách giải mã nó - toàn bộ sự gây hấn đã phải lĩnh, vì đã bị đối xử đầy khinh miệt do chúng tôi không thuộc vào số những khách hàng lịch lãm "gọi món".

(Sau mỗi hình ảnh của mùa hè đó, khuynh hướng tự nhiên trong tôi khiến tôi muốn viết "lúc ấy tôi phát hiện ra rằng" hoặc "tôi nhận thấy" nhưng những từ đó đặt giả định về một ý thức sáng sủa về tình huống đã trải qua. Chỉ có cảm giác về nỗi nhục mới ghim chúng lại được bên ngoài mọi ý nghĩa. Nhưng chẳng gì có thể khiến tôi không cảm thấy cái đó, sự nặng nề ấy, sự hư vô hóa ấy. Nó chính là sự thật cuối cùng.

Chính nó đã gộp đưa con gái hồi 1952 vào với người phụ nữ đang viết đây.

Ngoài Bordeaux, Tours và Limoges, tôi chưa bao giờ thăm lại nơi nào trong số những địa điểm đã thăm trong chuyến đi ấy.

Hình ảnh về quán ăn ở Tours rõ nét hơn cả. Trong lúc viết một cuốn

sách về cuộc đời và văn hóa của bố tôi, nó từng không ngừng quay lại với tôi như chứng cứ chứng minh cho sự tồn tại của hai thế giới và cho việc thuộc về thế giới bên dưới của chúng tôi, đi đâu không thể phản bác.

Có lẽ không có tương quan giữa cảnh hôm Chủ nhật tháng Sáu và chuyến đi ấy, ngoài tính lịch đại, nhưng làm thế nào mà khẳng định được đây, việc một sự kiện xảy tới sau một sự kiện khác đã không được sờ nghiệm trong bóng tối của sự kiện thứ nhất, rằng sự nối tiếp của sự vật chẳng có nghĩa gì.)

Quay về tôi không ngừng nghĩ tới chuyến đi đó. Tôi tự dịch chuyển mình vào các phòng khách sạn, vào quán ăn, vào các phố của những thành phố ngập nắng. Tôi biết là có tồn tại một thế giới khác, rộng lớn, mặt trời thiêu đốt, các căn phòng với bồn rửa có nước nóng, những đứa con gái tranh luận với bố chúng như trong tiểu thuyết. Chúng tôi không thuộc phần ấy. Chẳng có gì để chối cãi.

Dường như chính trong mùa hè đó tôi đã bắt đầu trò chơi ngày lý tưởng, một dạng nghi thức mà tôi đã thực hiện xuất phát từ Tiếng vọng nhỏ của thời trang - vốn dĩ dĩ dãi dào các quảng cáo hơn cả trong số những tờ báo mà chúng tôi mua - sau khi đã đọc các phơi ơ tông và vài chuyên mục. Tiến trình lúc nào cũng được giữ nguyên. Tôi tưởng tượng mình là một thiếu nữ, sống một mình trong ngôi nhà lớn và đẹp (biến thể: một mình trong một căn phòng tại Paris). Với mỗi sản phẩm được rao trên tờ tạp chí, tôi lại xây dựng cơ thể và vẻ ngoài của mình, hàm răng đẹp (với Gibbs⁽¹⁸⁾), cặp môi đỏ mọng (son Baiser), dáng vẻ hấp dẫn (áo nịt X), v.v. Tôi mặc váy hay bộ đồ thiết kế mà người ta quảng cáo bán qua đại lý, các thứ đồ đặc của tôi thì đến từ hãng Galeries Barbès. Ngành học của tôi là

những gì trường École Universelle tán là để tìm việc sau này. Tôi chỉ ăn uống những thứ thực phẩm được tung hô là có lợi: mì, bơ thực vật. Tôi cảm thấy sung sướng vô ngần khi tự tạo ra bản thân chỉ từ những sản phẩm xuất hiện trên báo - quy tắc được tôn trọng hết sức nghiêm ngặt - mà tôi dần dà phát hiện được, thật chậm, dành thời gian để phát triển mỗi "quảng cáo", tập hợp các hình ảnh giữa chúng và tổ chức câu chuyện của một ngày lý tưởng. Ngày đó chẳng hạn là ngày tôi tỉnh dậy trên một cái giường Lévitán, ăn sáng bằng đồ của Banania, vuốt lên "mái tóc rục rỡ" bằng kem của Vitapointe, học từ xa, ngành y tá hoặc bảo trợ xã hội, v.v. Từ tuần này qua tuần khác, các quảng cáo thay đổi khiến trò chơi ấy được đổi mới, nó, ngược lại với hiện tượng trí tưởng tượng trôi dạt theo việc đọc tiểu thuyết, rất tích cực, gây nhiều phấn khích - tôi sản xuất ra tương lai với các thứ đồ vật thực -, nhưng gây bức bối vì không bao giờ tôi dựng được thời gian biểu đầy đủ cả một ngày.

Đó là một hoạt động bí mật, không có tên, và chưa bao giờ tôi nghĩ có khả năng những người khác cũng làm thế.

Việc buôn bán của cửa hàng đột nhiên sa sút vào tháng Chín, một cửa hàng Coop hay Familistère được mở ở trung tâm thành phố. Chuyến đi Lourdes chắc hẳn đã quá mức tốn kém đối với chúng tôi. Bố mẹ tôi thì thảo luận chuyện với nhau trong bếp, vào buổi chiều. Một hôm mẹ tôi đã trách chúng tôi, bố và tôi, vì đã không cầu nguyện cho tử tế lúc ở trong cái hang. Chúng tôi phá lên cười và mẹ tôi đỏ lựng mặt, như thể bà vừa hé lộ một mối quan hệ với bầu trời mà chúng tôi không cách nào hiểu nổi. Họ dự tính bán cửa hàng đi rồi làm nhân viên bán hàng tại một cửa hàng thực phẩm hoặc quay lại nhà máy. Tình hình sau đó hẳn sáng sủa hơn bởi vì

điều đó đã không xảy ra.

Quãng cuối tháng, tôi bị sâu răng và mẹ đưa tôi tới chỗ nha sĩ, lần đầu tiên, tại Y. Trước khi xịt một tia nước lạnh vào cái răng để chuẩn bị tiêm, ông ta hỏi tôi, "cháu có bị đau khi uống rượu táo không?". Đó là thứ đồ uống quen thuộc của cánh công nhân và những người sống ở nông thôn, người lớn cũng như trẻ con. Ở nhà, tôi uống nước giống các học sinh nội trú của trường tư, thỉnh thoảng chế thêm nước lựu. (Như vậy là không câu nói nào cho thấy vị trí của chúng tôi trong xã hội buột ra khỏi miệng tôi nữa?)

Sau khai giảng, chúng tôi, từng hai hay ba cô bé một, làm công việc trực nhật lớp, vào ngày thứ Bảy sau giờ học, cùng cô B., giáo viên lớp sáu. Trong sự thân thuộc của những thứ giẻ lau bốc bụi, tôi hát văng một bài hát tình yêu, *Boléro*, rồi tôi dừng lại. Tôi từ chối hát tiếp, dẫn cho cô B. nằng nặc mời. Chắc chắn cô trông đợi tôi hé lộ vẻ thô lậu của mình nhằm tố cáo nó thật dữ dội.

Không cần thiết phải tiếp tục. Nỗi nhục chỉ là sự lặp lại và tích tụ.

Mọi thứ trong tồn tại của chúng tôi đều trở thành dấu hiệu của nỗi nhục. Chuồng xí ngoài sân, phòng ngủ chung - nơi, theo một thói quen phổ biến ở môi trường của chúng tôi và bắt nguồn từ việc thiếu chỗ, tôi ngủ cùng bố mẹ -, những cú tát cùng mấy từ bậy của mẹ tôi, những người khách say xỉn và các gia đình mua chịu. Chỉ mình nó thôi, hiểu biết cụ thể mà tôi có về những mức độ say sưa rồi thì các kỳ cuối tháng phải ăn thịt bò muối, đã cho thấy tôi thuộc về một tầng lớp mà đối với nó, trường tư chỉ tỏ vẻ không biết và coi thường.

Thật bình thường khi thấy nhục, như một hệ quả được viết sẵn vào nghề của bố mẹ tôi, những khó khăn tiền bạc của họ, quá khứ công nhân

của họ, cách tồn tại của chúng tôi. Trong cái cảnh của hôm Chủ nhật tháng Sáu. Nỗi nhục đã trở thành một cách sống đối với tôi. Rốt cuộc, thậm chí tôi còn chẳng tri nhận được nó nữa, nó nằm ngay bên trong cơ thể.

Tôi từng luôn muốn viết những cuốn sách mà sau đó tôi không thể nào nhắc tới chúng, những cuốn sách làm cho ánh mắt người khác trở nên không sao chịu nổi. Nhưng nỗi nhục nào có thể mang đến cho tôi đây, từ việc viết một cuốn sách ngang tầm được với những gì tôi từng cảm thấy hồi mười hai tuổi.

Mùa hè 1996 sắp kết thúc. Khi tôi bắt đầu nghĩ tới cuốn sách này, một quả đạn cối rơi xuống chợ Sarajevo, giết chết hàng chục người, làm hàng trăm người bị thương. Trên các báo, một số người viết, "nỗi nhục bóp nghẹt chúng ta". Đối với họ, nỗi nhục là một ý mà một ngày nào đó người ta có thể có vào một ngày để rồi từ bỏ vào hôm sau, áp dụng vào một tình huống (Bosnia), chứ không phải một tình huống khác (Rwanda). Tất thấy đầu đã quên máu ở chợ Sarajevo.

Trong những tháng tôi dành để viết cuốn sách này, ngay tức khắc tôi bị đánh động bởi những sự kiện, đầu chúng có là gì đi nữa - chui ra từ một bộ phim, từ một cuốn sách, cái chết của một nghệ sĩ, v.v. - mà người ta cho biết là đã xảy ra vào năm 1952. Tôi thấy dường như chúng chứng nhận cho thực tại của cái năm xa xôi đó và cho đứa bé con vốn dĩ là tôi. Trong một cuốn sách của Shohei Ooka, *Nobi*, xuất bản tại Nhật Bản năm 1952, tôi đọc thấy: "Toàn bộ cái đó có lẽ chỉ là một ảo tưởng nhưng tôi không thể nghi ngờ những gì mà tôi đã cảm thấy. Cả kỷ niệm cũng là một kinh nghiệm."

Tôi nhìn bức ảnh chụp ở Biarritz. BỐ tôi đã mất hăm chín năm nay. Tôi

chẳng còn có gì chung với đứa bé gái trong ảnh, chỉ trừ cái cảnh hôm Chủ nhật tháng Sáu mà nó mang trong óc và đã khiến tôi viết cuốn sách này, vì nó chưa từng rời khỏi tôi. Chỉ mỗi nó biến được đứa bé gái kia và tôi thành cùng một người, bởi cơn cực khoái mà ở đó tôi cảm thấy mãnh liệt nhất căn cước của mình cùng sự thường hằng của con người mình mãi hai năm sau đó tôi mới có nó.

Tháng Mười năm 1996



THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN
WWW.SACHMOI.NET

